

**VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

**NGUYỄN NGỌC HUYỀN**

**TỘI HIẾP DÂM THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ  
VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN TỈNH THÁI NGUYÊN**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**HÀ NỘI, 2018**

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
**HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

---

**NGUYỄN NGỌC HUYỀN**

**TỘI HIẾP DÂM THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ  
VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN TỈNH THÁI NGUYÊN**

Chuyên ngành: Luật Hình sự và Tố tụng Hình sự  
Mã số : 60.38.01.04

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC  
**TS. ĐỖ ĐỨC HỒNG HÀ**

**HÀ NỘI, 2018**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả được nêu trong luận văn là trung thực, chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào.

**TÁC GIẢ LUẬN VĂN**

**Nguyễn Ngọc Huyền**

## MỤC LỤC

MỞ ĐẦU .....	1
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT .8	
1.1. Những vấn đề lý luận về tội hiếp dâm .....	8
1.2. Quy định của Bộ luật Hình sự Việt Nam về tội hiếp dâm .....	25
Chương 2. THỰC TIỄN ÁP DỤNG QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ TỘI HIẾP DÂM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN 33	
2.1. Thực tiễn định tội danh tội hiếp dâm trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.....	33
2.2. Thực tiễn quyết định hình phạt đối với tội hiếp dâm trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên .....	40
Chương 3. YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO ÁP DỤNG ĐÚNG QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI HIẾP DÂM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN.....	50
3.1. Yêu cầu đảm bảo áp dụng đúng quy định của Bộ luật hình sự về tội hiếp dâm trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.....	50
3.2. Giải pháp đảm bảo áp dụng đúng quy định của Bộ luật hình sự về tội hiếp dâm trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.....	51
KẾT LUẬN .....	67
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	69

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

<b>Từ viết tắt</b>	<b>Diễn giải</b>
BLHS	Bộ luật Hình sự
BLTTHS	Bộ luật Tố tụng hình sự
CTTP	Cầu thành tội phạm
TANDTC	Toà án nhân dân tối cao

## DANH MỤC CÁC BẢNG, BIỂU

Bảng 2.1: Số liệu thống kê về tình hình xét xử chung và tội hiếp dâm của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên trong giai đoạn 5 năm (2013 – 2017).....	35
Bảng 2.2: Số liệu xét xử sơ thẩm về các vụ án hình sự và các vụ án về tội hiếp dâm trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 5 năm (2013 – 2017).....	36
Bảng 2.3: Tình hình áp dụng hình phạt đối với tội hiếp dâm của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2013 – 2017.....	45
Bảng 2.4: Thống kê thụ lý và giải quyết các vụ án hiếp dâm phúc thẩm.....	45

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Điều 14 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định: “Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người... được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật...”. Đồng thời, Điều 20 Hiến pháp năm 2013 ghi nhận: “Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm”. Sự phát triển, bổ sung và đề cao quyền con người trong Hiến pháp năm 2013 đặt ra yêu cầu phải tiếp tục hoàn thiện các quy định của Bộ luật Hình sự hiện hành để làm cho các quyền này của người dân được thực hiện trên thực tế. Theo đó, một trong những yêu cầu đặt ra là Bộ luật Hình sự phải xử lý nghiêm các hành vi xâm hại các quyền con người nêu trên, trong đó có hành vi giao cấu trái ý muốn nạn nhân ngày càng diễn biến đa dạng và phức tạp.

Theo Phòng Xây dựng Văn bản - Vụ Thống kê Tổng hợp, Tòa án nhân dân tối cao, trong số các vụ án xâm hại tình dục phụ nữ và trẻ em mà Tòa án các cấp đưa ra xét xử, chỉ tính từ năm 2013 đến năm 2017 đã có 2.127 vụ với 3005 bị cáo bị đưa ra xét xử về tội hiếp dâm. Qua theo dõi số liệu các vụ án xâm hại về tình dục trong đó có tội hiếp dâm mà Tòa án các cấp đã thụ lý, giải quyết dễ nhận thấy rằng tình trạng xâm hại tình dục đối với phụ nữ và trẻ em có xu hướng tăng lên trong những năm gần đây. Tính chất, mức độ nghiêm trọng của các vụ án này cũng có xu hướng ngày càng tăng. Nhiều vụ án xảy ra có tính chất đặc biệt nghiêm trọng, thể hiện sự suy đồi đạo đức nghiêm trọng, coi thường tính mạng, sức khỏe và nhân phẩm của con người, gây bức xúc trong dư luận xã hội, như bố đẻ hiếp dâm con gái ruột, anh trai hiếp dâm em

gái, người chồng hiếp dâm con riêng của vợ, nhiều người hiếp dâm một người, hiếp dâm làm nạn nhân mang thai và sinh con, hiếp dâm rồi giết người nhằm trốn tránh sự tố giác, trốn tránh sự phát hiện, trừng trị của pháp luật...

Từ những yêu cầu trên, ngày 27/11/2015, Quốc hội khóa XIII đã thông qua Bộ luật Hình sự năm 2015 và Bộ luật này đã chính thức có hiệu lực từ ngày 1/1/2018. Và nội dung của tội phạm hiếp dâm theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 có những sự thay đổi nhằm đáp ứng yêu cầu của tình hình mới. Để hiểu quy định của Bộ luật Hình sự Việt Nam về tội phạm hiếp dâm và triển khai những nội dung của Bộ luật Hình sự mới về tội phạm này phù hợp với thực tiễn thì việc làm sáng tỏ những vấn đề lý luận, đồng thời nghiên cứu thực tiễn áp dụng pháp luật là rất quan trọng. Bên cạnh đó, việc nghiên cứu, làm sáng tỏ các vấn đề về mặt lý luận của tội hiếp dâm không chỉ là căn cứ để hiểu và áp dụng đúng các quy định của Bộ luật Hình sự về tội hiếp dâm mà còn là cơ sở để hiểu và áp dụng đúng quy định về một số tội phạm khác.

Tại Thái Nguyên, theo số liệu thống kê 05 năm (từ ngày 01/01/2003 đến ngày 31/12/2017) Tòa án tỉnh đã đưa ra xét xử 28 vụ trong tổng số 112 vụ xâm hại tình dục, chiếm tỷ lệ 25 %. Điều đó cho thấy rằng, tình hình tội phạm trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên nhìn chung vẫn diễn biến hết sức phức tạp với những phương thức, thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt. Trong đó, diễn hình là sự diễn biến phức tạp của các tội phạm về tình dục, đặc biệt là tội hiếp dâm. Qua thực tiễn xét xử của Tòa án hai cấp cho thấy diễn biến đối với loại tội phạm này ngày càng tăng, nhất là tình trạng chưa nhận thức thống nhất trong vấn đề định tội danh và quyết định hình phạt. Nhiều vấn đề quy định trong Luật còn gây tranh cãi và lúng túng cho các Thẩm phán trong quá trình xét xử. Mà những hành vi phạm tội này không chỉ làm tổn thương tinh thần, xâm hại đến sự phát triển bình thường, lành mạnh của nạn nhân, mà còn làm tổn thương tinh thần gia đình họ. Ở khía cạnh xã hội, những hành vi này còn có tác động



xấu đến môi trường xung quanh, gây phẫn nộ, bức xúc, nhức nhối trong dư luận.

Từ những vấn đề trên, tác giả lựa chọn đề tài “*Tội hiếp dâm theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Thái Nguyên*” làm luận văn thạc sĩ Luật học.

## **2. Tình hình nghiên cứu đề tài**

Trước khi tác giả thực hiện đề tài này đã có một số công trình nghiên cứu tội hiếp dâm dưới góc độ luật hình sự được công bố, có thể kể đến một số công trình như sau (tác giả chia thành ba nhóm), cụ thể:

**Thứ nhất**, hệ thống các giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo liên quan đến vấn đề tội hiếp dâm, có thể kể đến các công trình như:

1, GS.TS Võ Khánh Vinh, *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự (phần các tội phạm)*, xuất bản năm 2013;

2, Đinh Văn Quế, *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự (phần các tội phạm, tập 1)*, xuất bản năm 2003;

3, Trường Đại học Luật Hà Nội, *giáo trình Luật hình sự Việt Nam (phần các tội phạm)*, xuất bản năm 2016;

**Thứ hai**, hệ thống các luận văn, luận án tiến sĩ luật học:

1, Trần Thúy Huỳnh Trang, *Tội hiếp dâm trẻ em theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn Thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn thạc sĩ luật học, 2014;

2, Lê Văn Hùng, *Tội hiếp dâm theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn Thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn thạc sĩ luật học, 2014;

3, Phan Thị Ngoan, *Đấu tranh, phòng chống tội hiếp dâm, hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng*, Luận văn thạc sĩ luật học, 2013;

**Thứ ba**, hệ thống các bài viết, đề tài khoa học:

- 1, Dương Tuyết Miên (1998), *Về các tội phạm tình dục trong luật hình sự Việt Nam*, Tạp chí Luật học;
- 2, Nguyễn Hiền Khanh (2004), *Về tội hiếp dâm quy định tại Điều 111 Bộ luật Hình sự*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật;
- 3, Nguyễn Tuyết Mai (2007), *Luật hình sự Việt nhìn từ góc độ tiếp cận về giới*, Tạp chí Luật học ;
- 4, Đỗ Việt Cường (2008), *Một số ý kiến trao đổi về tội hiếp dâm theo quy định tại Điều 111 Bộ luật Hình sự*, Tạp chí Kiểm sát;
- 5, Đặng Xuân Nam (2009), *Trao đổi về tội hiếp dâm theo Điều 111 Bộ luật Hình sự*, Tạp chí Kiểm sát;
- 6, Phạm Văn Báu (2010), *Những bất cập và phương hướng hoàn thiện quy định về một số tội xâm phạm nhân phẩm của con người trong Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 1999*, Tạp chí Luật học;
- 7, Đỗ Đức Hồng Hà (2010), *Hoàn thiện quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp;
- 8, Bùi Thị Quyên (2012), *Bàn về một số dấu hiệu pháp lý của tội hiếp dâm*, Tạp chí Tòa án nhân dân;
- 9, Dương Tuyết Miên, Bùi Thị Quyên (2013), *So sánh dấu hiệu phạm tội hiếp dâm trong Bộ luật Hình sự Việt Nam hiện hành với Bộ luật Hình sự của một số nước và một số kiến nghị*, Tạp chí Tòa án nhân dân.

Các công trình trên chủ yếu là những bài viết đăng trên các tạp chí và chúng thường tập trung nghiên cứu, giải quyết một vài khía cạnh nào đó của tội hiếp dâm. Đó thường là những khía cạnh còn gây tranh cãi và có nhiều quan điểm trái chiều.

Tóm lại, đã có một số công trình nghiên cứu về tội hiếp dâm, song chưa có một công trình khoa học nào đi sâu nghiên cứu một cách hệ thống, toàn diện về tội hiếp dâm từ thực tiễn một địa bàn cụ thể là tỉnh Thái Nguyên.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### **3.1. Mục đích nghiên cứu**

Mục đích của việc nghiên cứu đề tài này là phân tích khoa học để làm rõ các vấn đề lý luận về tội hiếp dâm trong việc định tội danh và quyết định hình phạt, cũng như chỉ ra những vấn đề còn tồn tại, những vấn đề gây tranh cãi, quan điểm trái chiều và đề ra các giải pháp khắc phục theo quan điểm của tác giả. Trên cơ sở đó, đánh giá thực tiễn áp dụng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên nhằm đề xuất yêu cầu và những giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác xét xử, góp phần hoàn thiện quy định của pháp luật về vấn đề này.

#### **3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Từ mục đích nghiên cứu nêu trên, luận văn đặt ra những nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể như sau:

- 1, Phân tích lý luận và quy định của BLHS Việt Nam về tội hiếp dâm
- 2, Thực tiễn định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội hiếp dâm trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên
- 3, Đề xuất các giải pháp bảo đảm áp dụng đúng quy định của BLHS về tội hiếp dâm

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### **4.1. Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là những vấn đề lý luận quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội hiếp dâm và thực tiễn áp dụng trong xét xử tội hiếp dâm trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

#### **4.2. Phạm vi nghiên cứu**

Về nội dung, đề tài luận văn được nghiên cứu trong phạm vi chuyên ngành Luật hình sự.

Về không gian, luận văn được nghiên cứu tại địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Về thời gian, luận văn sử dụng dữ liệu nghiên cứu được thu thập trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên từ năm 2013 đến năm 2017. Các dữ liệu nghiên cứu được dùng trong luận văn là các số liệu của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên trong thời gian 05 năm, từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2017.

Về cấp xét xử, đề tài nghiên cứu cấp xét xử sơ thẩm và phúc thẩm hình sự.

## **5. Cơ sở lý luận và các phương pháp nghiên cứu**

### **5.1. Cơ sở lý luận**

Đề tài được nghiên cứu trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, định hướng của Đảng về chính sách hình sự; quan điểm, đường lối xử lý đối với các tội phạm xâm hại tình dục nói chung và tội hiếp dâm nói riêng.

### **5.2. Phương pháp nghiên cứu**

Luận văn sử dụng các phương pháp đặc thù của khoa học luật hình sự như: Phương pháp thống kê, phân tích và tổng hợp số liệu dựa trên những bản án, quyết định, số liệu thống kê, báo cáo tổng kết của các cấp Tòa án nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên để phân tích các tri thức khoa học luật hình sự và luận chứng các vấn đề tương ứng được nghiên cứu.

## **6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn**

### **6.1. Ý nghĩa khoa học**

Trong công cuộc cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam của dân, do dân và vì dân hiện nay, việc nghiên cứu để làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn về định tội danh và quyết định hình phạt của tội hiếp dâm trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, đồng thời đưa ra quan điểm,

làm sáng tỏ về những vấn đề gây tranh cãi xoay quanh nội dung của tội phạm hiếp dâm góp phần bổ sung vào kho tàng lý luận về một tội phạm cụ thể - tội hiếp dâm, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng chống tội phạm và bảo vệ vững chắc quyền con người, đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội.

## **6.2. Ý nghĩa thực tiễn**

Kết quả nghiên cứu của luận văn là tài liệu tham khảo cho các cơ quan tiến hành tố tụng, đặc biệt là Tòa án trong thực hiện công tác xét xử được khách quan, công bằng và có căn cứ pháp luật ở Việt Nam nói chung và thực tiễn tỉnh Thái Nguyên nói riêng.

## **7. Kết cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm ba chương với tên gọi như sau:

Chương 1. Lý luận và quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về tội hiếp dâm

Chương 2. Thực tiễn định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội hiếp dâm trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Chương 3. Giải pháp bảo đảm áp dụng đúng quy định của Bộ luật hình sự về tội hiếp dâm

## Chương 1

# NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ TỘI HIẾP DÂM

### 1.1. Những vấn đề lý luận về tội hiếp dâm

#### 1.1.1. Khái niệm tội hiếp dâm

Theo Đại từ điển tiếng Việt, hiếp dâm là “*bắt phải để cho thỏa sự dâm dục*”; từ điển bách khoa Công an nhân dân Việt Nam lại định nghĩa “*hiếp dâm là hành vi dùng sức mạnh cưỡng bức người khác để thỏa mãn nhu cầu tình dục của mình*”; bản tổng kết của TANDTC số 329/HS2 ngày 11/5/1967 khái quát “*hiếp dâm là hành động bắt buộc người phụ nữ phải giao cấu trái ý muốn của người đó*”.

BLHS Việt Nam không quy định trực tiếp khái niệm tội hiếp dâm, mà định nghĩa gián tiếp thông qua nội dung các điều luật. Khái niệm tội hiếp dâm có sự thay đổi theo từng thời kỳ:

Năm 1483 dưới triều vua Lê Thánh Tông, bộ “*Quốc triều hình luật*” được ban bố và thi hành. Đây là bộ luật điển hình, tiên bộ nhất trong lịch sử pháp luật phong kiến của Việt Nam. Bộ luật đã có những quy định hết sức cụ thể về tội hiếp dâm như: Người nào phạm các tội cưỡng ép, hiếp dâm, cưỡng bức đàn bà con gái thì bị xử tội lưu đầy hay tội chết cùng với việc nộp tiền tạ cho cha mẹ người con gái (Điều 42); Nếu vì tội này mà làm người đàn bà bị thương hay bị chết thì kẻ phạm tội bị xử nặng hơn tội đánh bị thương (đánh chết) người thường một bậc, điền sản bị tịch thu trả cho bên bị thiệt hại (Điều 403); đặc biệt là việc xử phạt nghiêm khắc những kẻ có hành vi gian dâm với con gái dưới 12 tuổi, dù người con gái có thuận tình hay không thì vẫn xử như tội hiếp dâm vì ở tuổi này con gái chưa trưởng thành, dễ bị lừa gạt khống chế.

Tiếp đến là bản tổng kết và hướng dẫn đường lối xét xử tội hiếp dâm và một số tội phạm khác về mặt tình dục số 329-HS2 ngày 11/5/1967 của

TANDC. Theo văn bản này thì “hiếp dâm là hành động bắt buộc người phụ nữ phải chịu sự giao cấu trái ý muốn hoặc không có ý muốn của người đó bằng cách dùng bạo lực về thể chất, hay là uy hiếp về tinh thần, hay là lợi dụng hoặc gây ra tình trạng không thể tự vệ hoặc biểu lộ ý chí của người đó”.

Đến thông tư số 03-BTP/TT tháng 4/1976 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Sắc luật số 03-SL/76 ngày 15/3/1976 của Hội đồng Chính phủ cách mạng lâm thời quy định các tội phạm và hình phạt, hiếp dâm được định nghĩa “là hành vi dùng bạo lực hoặc hành vi uy hiếp về tinh thần để giao cấu của người phụ nữ, không có sự thỏa thuận của người đó; hoặc là hành vi lợi dụng lúc người phụ nữ đang ngủ say, đang bị mê sảng, hoặc có bệnh thần kinh để giao cấu với họ; hoặc là hành vi lợi dụng sự non nớt, sự chưa hiểu biết của vị thành niên dưới 13 tuổi để giao cấu với chúng”.

Theo quy định của Điều 112 BLHS năm 1985 (sửa đổi, bổ sung năm 1989, 1991, 1992, 1997) thì tội hiếp dâm là hành vi “dùng vũ lực hoặc thủ đoạn khác giao cấu với người khác trái ý muốn của họ”.

Theo quy định của khoản 1 Điều 111 BLHS năm 1999 thì “tội hiếp dâm là hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác giao cấu với nạn nhân trái ý muốn của họ”.

Có thể thấy, trong tất cả các định nghĩa tội hiếp dâm, yếu tố mấu chốt đó là “giao cấu trái ý muốn” của nạn nhân. Khái niệm giao cấu được định nghĩa một lần duy nhất trong Bản tổng kết và hướng dẫn đường lối xét xử số 329-HS2 ngày 11/5/1967. Theo đó, giao cấu được hiểu là “sự cọ sát trực tiếp dương vật vào bộ phận sinh dục của người phụ nữ (bộ phận từ môi lớn trở vào) với ý thức định ấn vào trong không kể sự xâm nhập của dương vật là sâu hay cạn, không kể có xuất tinh hay không” [2, tr2]. Đây cũng chính là quan niệm về giao cấu truyền thống, được sử dụng cho khái niệm “giao cấu” trong

quy định tại Điều 111 BLHS năm 1999 và áp dụng thống nhất trong thực tiễn xét xử tội hiếp dâm.

Theo Điều 12 và Điều 141 BLHS năm 2015 thì “*tội hiếp dâm là hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc bằng thủ đoạn khác giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác trái ý muốn của nạn nhân, được quy định trong BLHS, do người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi hoặc từ đủ 16 tuổi trở lên thực hiện một cách cố ý, xâm phạm quan hệ nhân thân, nhân phẩm, danh dự của con người*”.

Có thể thấy cách định nghĩa tội hiếp dâm theo BLHS năm 2015 đã khắc phục được những hạn chế trong các quy định trước đây, khái niệm theo quy định tại Khoản 1 Điều 141 là tương đối đầy đủ, rõ ràng, phù hợp với lí luận và thực tiễn tình hình tội phạm xâm hại tình dục nói chung và tội phạm hiếp dâm nói riêng.

Để hiểu rõ hơn về tội phạm này cần phân tích những dấu hiệu pháp lý của tội hiếp dâm trên cơ sở phân tích và so sánh các quy định của BLHS 1999 với BLHS 2015.

### ***1.1.2. Dấu hiệu pháp lý của tội hiếp dâm***

Một cấu thành tội phạm được hợp thành bởi bốn yếu tố cơ bản: Khách thể, mặt khách quan, chủ thể, mặt chủ quan.

#### ***1.1.2.1. Khách thể của tội hiếp dâm***

Theo quy định của BLHS năm 1999, tội hiếp dâm được xếp vào nhóm các tội xâm phạm quan hệ nhân thân (nhân phẩm, danh dự) của con người. “*Các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự là những hành vi cố ý xâm phạm đến quyền được tôn trọng về nhân phẩm, danh dự*” [ 45, tr. 426].

Hiện nay có nhiều nghiên cứu và ý kiến về vấn đề khách thể của tội hiếp dâm, như “*khách thể của tội hiếp dâm là quan hệ nhân thân mà nội dung là*



*quyền tự do tình dục của con người. Đối tượng tác động của tội phạm là phụ nữ*". (PGS.TS Cao Thị Oanh) [31, tr. 49]. Theo đó, theo quan niệm truyền thống và thực tiễn áp dụng pháp luật thì khách thể của tội hiếp dâm chính là quyền bất khả xâm phạm về tình dục của người phụ nữ.

Điều 20 Hiến pháp của nước CHXHCN Việt Nam năm 2013 quy định rõ: "*Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm*". Vì vậy, quyền bất khả xâm phạm về tình dục là quyền được bảo vệ và ghi nhận bởi pháp luật, mà bất cứ ai, có hành vi xâm phạm đến quyền này, đều bị xử lý theo quy định của pháp luật.

So sánh với BLHS 2015 dễ dàng nhận thấy có sự thay đổi về khách thể của tội hiếp dâm. Khoản 1 Điều 141 Bộ luật này quy định : *tội hiếp dâm là hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc bằng thủ đoạn khác giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác trái ý muốn của nạn nhân*". Như vậy khách thể của tội hiếp dâm theo quy định mới này là quyền bất khả xâm phạm về tình dục của con người mà đối tượng tác động là cả nam giới và nữ giới. Nam giới cũng có thể là nạn nhân của tội hiếp dâm và kể cả khi cùng giới giao cấu với nhau cũng có thể bị coi là tội phạm.

Sự thay đổi này thể hiện một dấu hiệu tích cực trong tình hình xã hội hiện nay khi mà không chỉ phụ nữ mà cả nam giới cũng là đối tượng có thể bị xâm phạm về tình dục và quyền bất khả xâm phạm về tình dục của nam giới cũng cần được bảo vệ. Chính vì vậy, cần có sự thay đổi trong quan niệm về khách thể của tội hiếp dâm, để phù hợp với tình hình xã hội và diễn biến ngày càng phức tạp của tội phạm. Bởi lẽ xã hội ngày càng đa dạng và phức tạp kéo theo việc xuất hiện ngày càng nhiều hình thức quan hệ tình dục, quan hệ đồng giới,... Việc trước kia pháp luật bỏ ngỏ vấn đề này đã gây ra nhiều khó khăn trong hoạt động xét xử.

### 1.1.2.2. Mặt khách quan của tội hiếp dâm

Mặt khách quan của tội phạm là mặt bên ngoài của tội phạm bao gồm các dấu hiệu biểu hiện tội phạm diễn ra trong thế giới khách quan. Mặt khách quan của tội phạm bao gồm bốn nhóm dấu hiệu, đó là: Hành vi nguy hiểm cho xã hội; hậu quả nguy hiểm cho xã hội; mối quan hệ nhân quả giữa hành vi nguy hiểm cho xã hội và hậu quả nguy hiểm cho xã hội; những dấu hiệu khác biểu hiện sự thực hiện hành vi và gắn liền với hành vi (các dấu hiệu không bắt buộc như thời gian, địa điểm, công cụ, phương tiện phạm tội,...). Trong đó, hành vi nguy hiểm cho xã hội là dấu hiệu trọng tâm, dấu hiệu bắt buộc trong mọi cấu thành tội phạm cơ bản.

- Dấu hiệu thứ nhất: Hành vi khách quan. Điều 111 BLHS 1999 mô tả hành vi hiếp dâm khách quan đầy đủ và cụ thể giúp cho việc áp dụng dễ dàng, thuận lợi hơn. Người phạm tội có thể có một trong các thủ đoạn sau:

- + Hành vi dùng vũ lực;
- + Hành vi đe dọa dùng vũ lực;
- + Lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân;
- + Thủ đoạn khác.

Hành vi dùng vũ lực: Dùng vũ lực là dùng sức mạnh vật chất đè bẹp sự kháng cự của nạn nhân, mục đích chủ yếu là làm tê liệt sự kháng cự của nạn nhân để người phạm tội thực hiện hành vi giao cấu, như: xô ngã, vật lộn, giữ chân tay, bịt mồm, trói, bóp cổ, đánh đấm nạn nhân,....

Hành vi đe dọa dùng vũ lực: *“Hành vi dùng lời nói hoặc hành động hoặc cả hai dọa sẽ dùng vũ lực nếu chống lại hành vi giao cấu. Hành vi này gây uy hiếp tinh thần người khác, không chế ý chí làm nạn nhân sợ hãi nên buộc phải giao cấu trái ý muốn. Vũ lực đe dọa nhằm vào chính nạn nhân nhưng cũng có thể là những người có quan hệ thân thuộc với nạn nhân. Bằng hành*

*vi đe dọa người phạm tội đã khiến nạn nhân phải giao cấu trái ý muốn của họ” [45, Tr15].*

Hành vi lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân là hành vi lợi dụng nạn nhân vì lý do nào đó không thể chống lại được hành vi giao cấu trái ý muốn. Vấn đề này có thể là điều kiện khách quan hoặc do chủ quan người phạm tội gây ra, như bỏ thuốc mê, nạn nhân bệnh tật, ốm đau,...

Hành vi dùng thủ đoạn khác (ngoài ba thủ đoạn trên): Hành vi ngoài các trường hợp trên, mang tính dự liệu của nhà làm luật. Ví dụ thầy lang lợi dụng mê tín dị đoan chữa bệnh hay giải hạn bằng hành vi giao cấu,...

- Dấu hiệu thứ hai: người phạm tội có hành vi giao cấu với nạn nhân trái ý muốn của họ. Để hiểu rõ hành vi khách quan này, cần tìm hiểu hai vấn đề sau:

+ *Về hành vi giao cấu*

Thực tiễn công tác xét xử hiện nay đều hiểu theo định nghĩa của Bản tổng kết và hướng dẫn đường lối xét xử tội hiếp dâm và một số tội phạm khác về mặt tình dục số 329/HS2 ngày 11/5/1967 của TANDTC, cụ thể: “*giao cấu là sự cọ sát trực tiếp dương vật vào bộ phận sinh dục của người phụ nữ (bộ phận từ môi lớn trở vào) với ý thức định ấn vào trong không kể sự xâm nhập của dương vật là sâu hay cạn, không kể có xuất tinh hay không” [2, Tr2].*

+ *Về yếu tố trái ý muốn của nạn nhân*

Hành vi giao cấu chỉ bị coi là phạm tội hiếp dâm khi nó được thực hiện trái ý muốn của nạn nhân. Thái độ trái ý muốn xảy ra khi nạn nhân không chấp nhận sự giao cấu hoặc hành vi giao cấu xảy ra không có ý muốn của người phụ nữ, vì họ đang trong tình trạng không thể biểu lộ được ý chí. Trên thực tế biểu hiện trái ý muốn của nạn nhân được thể hiện ra bên ngoài, có thể nhìn thấy được như vết cào cấu, trầy xước hoặc vết cắn,... nhưng cũng có trường hợp nạn nhân sợ hãi, sức khỏe kém không có khả năng chống cự nên

việc chứng minh trạng thái tâm lý trái ý muốn thường gặp nhiều khó khăn. Vì vậy để xác định yếu tố trái ý muốn, cần căn cứ vào nhiều yếu tố khác nhau nhằm đảm bảo sự thật khách quan của vụ án, như: Lời khai của người bị hại, mối quan hệ giữa người phạm tội và nạn nhân, thủ đoạn thực hiện tội phạm, hoàn cảnh cụ thể, ý kiến của các môi quan hệ xã hội như cơ quan, gia đình, hàng xóm,...

Một vấn đề đặt ra trên thực tế là yếu tố trái ý muốn xảy ra ở thời điểm nào thì hành vi giao cấu cấu thành tội hiếp dâm. *“Ở một số nước như Anh, Australia, Xcotlen pháp luật có quy định rõ thái độ trái ý muốn của người phụ nữ phải xảy ra trước khi có hành vi giao cấu; trong khi giao cấu mà người phụ nữ mới biểu lộ thái độ trái ý muốn thì trường hợp này không bị coi là phạm tội. Thái độ trái ý muốn của người phụ nữ phải là trái ý muốn thực sự”* [29, tr. 47]. Nghĩa là hành vi giao cấu chỉ bị coi là trái ý muốn nạn nhân khi nạn nhân thể hiện thái độ trái ý muốn trước khi xảy ra hành vi giao cấu. Tác giả đồng ý với quan điểm này. Đó là, hành vi giao cấu chỉ bị coi là trái ý muốn nạn nhân khi nạn nhân thể hiện thái độ trái ý muốn trước khi thực hiện hành vi này. Như vậy mới là trái ý muốn thực sự.

Từ các dấu hiệu của mặt khách quan hiện tồn tại nhiều quan điểm về cấu thành tội phạm (CTTP) của tội hiếp dâm:

*Quan điểm thứ nhất* cho rằng trong CTTP của tội hiếp dâm, dấu hiệu dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân đều là hành vi khách quan. Vì vậy, tội hiếp dâm là tội có CTTP hình thức [45, tr 428-429].

*Quan điểm thứ hai* cho rằng trong CTTP của tội hiếp dâm, dấu hiệu dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác là hành vi khách quan, còn dấu hiệu giao cấu

trái ý muốn của nạn nhân là mục đích phạm tội. Vì vậy, tội hiếp dâm là tội có CTTP hình thức[45, tr 428-429].

*Quan điểm thứ ba* cho rằng trong CTTP của tội hiếp dâm, dấu hiệu dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác là hành vi khách quan, còn dấu hiệu giao cấu trái ý muốn của nạn nhân vừa là hành vi khách quan, vừa là hậu quả. Vì vậy, tội hiếp dâm là tội có CTTP vật chất [45, tr 428-429].

Trong tội hiếp dâm, dấu hiệu quan trọng nhất và cần quan tâm nhất là dấu hiệu giao cấu trái ý muốn của nạn nhân. Đây là dấu hiệu đặc trưng của tội hiếp dâm, cho phép phân biệt tội hiếp dâm với những tội khác. Tuy nhiên, để giao cấu trái ý muốn của nạn nhân, người phạm tội phải dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác. Hay nói cách khác, dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác là phương thức, thủ đoạn để người phạm tội giao cấu trái ý muốn của nạn nhân.

Trong CTTP của tội hiếp dâm, nhà làm luật đã mô tả thủ đoạn phạm tội như là một hành vi cùng với hành vi chính là hành vi giao cấu trái ý muốn của nạn nhân. Hay nói cách khác, dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, lợi dụng tình trạng không thể tự vệ của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác là hành vi tiền đề để người phạm tội thực hiện hành vi chính - hành vi giao cấu trái ý muốn nạn nhân. Có thể khẳng định rõ “bị giao cấu” không phải là hậu quả của tội hiếp dâm. Bởi vì, hậu quả đến mức độ nào là tùy thuộc vào ý muốn chủ quan của người phạm tội cũng như những điều kiện khách quan khác.

Trong CTTP tội hiếp dâm, giao cấu trái ý muốn của nạn nhân cũng là mục đích của người phạm tội, nhưng mục đích này đã được cụ thể hóa bằng hành vi là “*giao cấu trái ý muốn của nạn nhân*” trong CTTP.

Như vậy, trong CTTP của tội hiệp dâm, dấu hiệu “*dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác*” và dấu hiệu “*giao cấu trái ý muốn của nạn nhân*” đều có ý nghĩa là hành vi khách quan. Do đó, tội hiệp dâm là tội có CTTP hình thức. Nhà làm luật quy định tội hiệp dâm là tội có CTTP hình thức là vì:

- Bản thân hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác và hành vi giao cấu trái ý muốn của nạn nhân đã thể hiện được đầy đủ tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi;

- Hậu quả của tội hiệp dâm rất khó xác định, tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể. Mà những tội phạm có hậu quả khó xác định thường không được quy định là dấu hiệu bắt buộc trong CTTP.

Hiện nay còn rất nhiều ý kiến khác nhau về nội dung mặt khách quan của CTTP tội hiệp dâm. Chính vì vậy, cần triển khai quy định này đồng thời với việc các cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn chi tiết, cụ thể để có được sự thống nhất trong quá trình áp dụng.

Bên cạnh đó, so sánh với quy định về tội hiệp dâm trong BLHS năm 2015, ta thấy mặt khách quan của tội hiệp dâm có một thay đổi rất quan trọng. Đó là việc quy định thêm hành vi khách quan: “*thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác trái ý muốn của nạn nhân*”. Chính vì vậy, mặt khách quan của tội hiệp dâm theo BLHS năm 2015 gồm hai dấu hiệu: dấu hiệu dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác và dấu hiệu giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác trái ý muốn của nạn nhân.

Lưu ý trong một số trường hợp do diễn biến tâm lý phức tạp trước sau không thống nhất: Có trường hợp bị hiệp dâm nhưng do bị mua chuộc hay đe dọa nên nạn nhân khai là đồng ý,... vì vậy cần căn cứ vào các yếu tố khác,

bên cạnh như mối quan hệ nhằm tránh chủ quan, phiến diện, oan sai. Và không phải trường hợp nào người phạm tội giao cấu với nạn nhân mới là tội phạm mà trong nhiều trường hợp chỉ cần có hành vi dùng vũ lực nhằm giao cấu đã phạm tội. Đây là trường hợp phạm tội hiếp dâm chưa đạt.

### *1.1.2.3. Chủ thể của tội hiếp dâm*

Chủ thể của tội phạm là con người cụ thể thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội một cách cố ý hoặc vô ý, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi theo quy định của Luật hình sự.

Trong khoa học luật hình sự Việt Nam hiện nay còn tồn tại nhiều quan điểm khác nhau về chủ thể của tội hiếp dâm.

*Quan điểm thứ nhất* cho rằng chỉ có nam giới mới có thể trở thành chủ thể của tội hiếp dâm. Quan điểm này xuất phát từ đặc điểm sinh học là chỉ có nam giới mới có thể thực hiện được hành vi giao cấu trái ý muốn của nữ giới. Còn nếu nam giới không mong muốn, nữ giới không bao giờ thực hiện được hành vi này. Do đó, tội hiếp dâm có chủ thể đặc biệt là nam giới. Quan điểm này phù hợp với quan điểm truyền thống về chủ thể của tội hiếp dâm trong luật hình sự Việt Nam[45, tr 427-428].

*Quan điểm thứ hai* cho rằng bất kỳ người nào có năng lực TNHS và đủ tuổi chịu TNHS cũng có thể trở thành chủ thể của tội hiếp dâm. Bởi lẽ, về lý luận, nữ giới cũng có thể phạm tội hiếp dâm thông qua hành vi giao cấu trái ý muốn hoặc không có ý muốn của nam giới bằng thủ đoạn tạo ra tình trạng không thể tự vệ được hoặc không thể biểu lộ được ý chí của nạn nhân như cho nạn nhân uống thuốc mê, thuốc kích thích... Còn về thực tiễn, trong những năm gần đây ở nước ta đã xuất hiện trường hợp nữ giới dùng thủ đoạn tạo ra tình trạng không thể biểu lộ được ý chí ở nam giới để giao cấu trái ý muốn hoặc không có ý muốn của nam giới. Do đó, tội hiếp dâm có chủ thể bình thường[18, tr 52].

*Quan điểm thứ ba* cho rằng việc coi hành vi giao cấu giữa nam và nữ cần vai trò chủ động và chi phối của nam giới và chỉ có nam giới với cấu tạo sinh học riêng mới có thể thực hiện được hành vi giao cấu với nữ giới mà không cần sự tự nguyện của nữ giới là định kiến. Nữ giới vẫn có thể thực hiện được hành vi giao cấu trái ý muốn của nam giới trong trường hợp nữ giới lợi dụng nam giới có nhược điểm về thể chất và tinh thần (mắc bệnh tâm thần) để dụ dỗ và giao cấu hoặc nữ giới lợi dụng nam giới đang trong tình trạng không có khả năng biểu lộ ý chí đúng đắn (như chịu tác động ở mức độ cao của thuốc kích dục, các chất ma túy gây ảo giác...) để giao cấu. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy những trường hợp nữ giới thực hiện hành vi này là rất cá biệt nên chưa đến mức đặt ra yêu cầu hình sự hóa. Bên cạnh đó, do đặc điểm tâm lý của người phương Đông chỉ đặc biệt coi trọng sự trinh tiết của người phụ nữ cho nên hậu quả tinh thần do hành vi này gây ra với nam giới là không lớn, chưa đến mức đặt ra yêu cầu hình sự hóa. Do đó, chủ thể của tội hiếp dâm vẫn chỉ được xác định là nam giới [28, tr 43], [3, tr 4].

Theo quan điểm của Bản tổng kết và hướng dẫn đường lối xét xử tội hiếp dâm và một số tội phạm khác về mặt tình dục số 329/HS2 ngày 11/5/1967 của TANDTC cũng như thực tiễn xét xử ở Việt Nam từ trước đến nay thì chủ thể của tội hiếp dâm là chủ thể đặc biệt - nam giới. Dấu hiệu đặc biệt ở đây là dấu hiệu về giới tính. “*Chủ thể của tội hiếp dâm chỉ có thể là nam giới. Nữ giới chỉ có thể tham gia trong vụ đồng phạm hiếp dâm với vai trò là người xúi giục, người giúp sức hay người tổ chức*”. Như vậy, đây là quan điểm chính thức và nhất quán cho đến khi BLHS 2015 có hiệu lực (1/1/2018).

Một vấn đề đặt ra khi nói đến chủ thể của tội hiếp dâm theo luật hình sự Việt Nam, đó là việc người chồng có thể là chủ thể của tội hiếp dâm hay không? Hiện nay, ở một số nước vẫn xét xử người chồng về tội hiếp dâm. Từ



trước tới nay, thực tiễn xét xử nước ta mặc nhiên thừa nhận người chồng không thể phạm tội hiếp dâm. Bởi lẽ chủ thể của tội hiếp dâm ở đây không bao gồm quan hệ vợ chồng đã được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân và gia đình. Việc thừa nhận như vậy hoàn toàn phù hợp với đạo lý truyền thống dân tộc, phù hợp với xu thế của luật hình sự hiện đại. Người chồng không thể phạm tội hiếp dâm người vợ hợp pháp của mình bởi việc thuận tình kết hôn của họ.

Người chồng không thể là chủ thể của tội hiếp dâm đối với trường hợp phạm tội riêng lẻ. Tuy nhiên, trong trường hợp đồng phạm, người chồng có thể phạm tội hiếp dâm. Thực tiễn cũng như lý luận khoa học luật hình sự đã chứng minh rằng trong trường hợp đồng phạm, người chồng có thể là chủ thể tội hiếp dâm với vai trò người tổ chức, xúi giục, giúp sức và thậm chí là người thực hành. Người chồng phạm tội hiếp dâm với vai trò là người thực hành chỉ xảy ra trong trường hợp đặc biệt - trường hợp họ không trực tiếp thực hiện hành vi giao cấu trái ý muốn của người phụ nữ (vợ của họ). Bởi theo lý luận khoa học hình sự, trong vụ phạm tội cố ý có thể có nhiều người cùng tự mình thực hiện hành vi được mô tả trong CTTP. Trong trường hợp này, không đòi hỏi mỗi người phải thực hiện trọn vẹn hành vi được mô tả trong CTTP mà có thể mỗi người chỉ thực hiện một phần hành vi đó. Nhưng đòi hỏi hành vi tổng hợp của họ phải là hành vi có đủ dấu hiệu của CTTP.

#### *1.1.2.4. Mặt chủ quan của tội hiếp dâm*

Nếu như mặt khách quan là những biểu hiện bên ngoài của tội phạm thì mặt chủ quan là tâm lý bên trong của người phạm tội. Với ý nghĩa là một mặt của hiện tượng thống nhất giữa các yếu tố cấu thành tội phạm, mặt chủ quan của tội phạm không tồn tại độc lập mà luôn gắn liền với mặt khách quan của tội phạm. Nói cách khác, hoạt động tâm lý bên trong của người phạm tội luôn gắn liền với những biểu hiện bên ngoài và được biểu hiện thành các dấu hiệu

bắt buộc (lỗi cố ý, lỗi vô ý) và các dấu hiệu không bắt buộc (động cơ, mục đích).

Lỗi của người phạm tội hiếp dâm theo Điều 111 là lỗi cố ý trực tiếp. Khi xác định lỗi của người phạm tội cần xác định người phạm tội biết rõ hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác và hành vi giao cấu của mình là nguy hiểm cho xã hội và trái ý muốn của nạn nhân nhưng vẫn thực hiện vì mong muốn hành vi đó. Người phạm tội biết hành vi giao cấu của mình là trái ý muốn của nạn nhân nhưng vẫn mong muốn thực hiện hành vi đó bằng một trong những thủ đoạn nêu trên.

So sánh với quy định tương ứng của BLHS năm 2015, có thể thấy, về mặt chủ quan của tội phạm hiếp dâm không có gì thay đổi. Tội hiếp dâm vẫn được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp.

Động cơ được hiểu là động lực bên trong thúc đẩy người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội. Đối với tội hiếp dâm, động cơ này thường xuất phát từ nhu cầu sinh lý, không tự chủ, kiềm chế được bản thân, nhận thức lệch chuẩn về giá trị chuẩn mực xã hội từ đó hình thành động cơ thúc đẩy hành vi giao cấu trái ý muốn nạn nhân.

Mục đích phạm tội là kết quả trong ý thức mà người phạm tội mong muốn đạt được khi thực hiện tội phạm.

Đối với tội hiếp dâm, dấu hiệu động cơ và mục đích không phải là dấu hiệu bắt buộc. Tuy nhiên việc làm sáng tỏ động cơ và mục đích phạm tội có ý nghĩa quan trọng trong xác định tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi và đánh giá mức độ lỗi để quyết định hình phạt phù hợp.

### **1.1.3. Hình phạt đối với tội hiếp dâm**

#### *1.1.3.1. Khung hình phạt cơ bản*

Theo điều 111 BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) quy định khung hình phạt cơ bản đối với tội hiếp dâm tại khoản 1 với mức phạt tù từ 2 năm đến 7 năm. Khung cơ bản được áp dụng cho trường hợp phạm tội không có tình tiết tăng nặng và nạn nhân là người thành niên. Mức hình phạt này vẫn được giữ nguyên trong quy định tại khoản 1 Điều 141 BLHS năm 2015.

#### *1.1.3.2. Khung hình phạt tăng nặng*

##### **a) Khung tăng nặng thứ nhất**

Theo khoản 2 Điều 111, BLHS năm 1999, phạt tù từ 7 năm đến 15 năm đối với các hành vi phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau:

- Có tổ chức (tức là có yếu tố đồng phạm) [5, tr26].

Trong trường hợp này, tất cả những người đồng phạm đều bị áp dụng tình tiết tăng nặng định khung này. Tuy nhiên, trách nhiệm hình sự đối với mỗi người lại phụ thuộc vào vai trò và hành vi của họ trong vụ án.

Trong vụ đồng phạm hiếp dâm, hành vi của từng người đồng phạm không thỏa mãn hết các dấu hiệu của CTTP tội hiếp dâm nhưng hành vi tổng hợp của những người này thỏa mãn hết các dấu hiệu đó. Nếu người thực hiện hành vi là nam giới thì giữ vai trò là người thực hành, còn nếu là nữ giới thì chỉ giữ vai trò là người giúp sức.

Dấu hiệu định khung này vẫn được giữ nguyên tại điểm a, khoản 2, Điều 141 BLHS năm 2015.

- Phạm tội đối với người mà người phạm tội có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh [5, tr26].

Người phạm tội và nạn nhân có quan hệ đặc biệt với nhau, trong đó người phạm tội là người có trách nhiệm chăm sóc (người được cơ quan, tổ chức xã hội hoặc họ hàng thân thích... giao trách nhiệm chăm sóc nạn nhân về ăn uống, sinh hoạt, vệ sinh cá nhân), giáo dục (thầy giáo, người làm công tác giáo dục), chữa bệnh cho nạn nhân (bác sĩ, y tá điều trị cho nạn nhân).

Trách nhiệm này phát sinh do những cơ sở pháp lý khác nhau. Chỉ khi nào người phạm tội đã lợi dụng việc chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh để hiếp dâm người được chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh thì mới thuộc trường hợp phạm tội này.

Dấu hiệu định khung này vẫn được giữ nguyên tại điểm b, khoản 2, Điều 141 BLHS năm 2015.

- Nhiều người hiếp một người [5, tr26].

Đây là trường hợp đồng phạm hiếp dâm trong đó có nhiều người có hành vi giao cấu trái ý muốn với cùng một nạn nhân. Nhiều người hiếp một người khác và hiếp dâm có tổ chức tuy đều là đồng phạm nhưng khác nhau ở việc một trường hợp đòi hỏi là đồng phạm có tổ chức còn một trường hợp đòi hỏi phải có nhiều người cùng là người thực hiện hành vi giao cấu. Nếu phạm tội có tổ chức mà lại có từ 2 người trở lên giao cấu với nạn nhân thì những người giao cấu với nạn nhân phạm tội với 2 tình tiết, đó là: hiếp dâm có tổ chức và nhiều người hiếp một người.

Dấu hiệu định khung này vẫn được giữ nguyên tại điểm c, khoản 2, Điều 141 BLHS năm 2015.

- Phạm tội nhiều lần [5, tr26].

Phạm tội nhiều lần là trường hợp thực hiện tội phạm mà trước đó người phạm tội đã phạm tội này ít nhất một lần và chưa bị xét xử. Dấu hiệu định khung này về cơ bản vẫn được giữ lại tại điểm d, khoản 2, Điều 141 BLHS năm 2015. Tuy nhiên, các nhà làm luật đã có cách diễn đạt và sử dụng từ ngữ một cách định lượng và cụ thể hơn, đó là thay thế cụm từ “nhiều lần” bằng cụm từ “hai lần trở lên”.

- Đối với nhiều người [5, tr26].

Đây là trường hợp người phạm tội đã hiếp dâm từ hai nạn nhân trở lên và những lần phạm tội đó đều chưa bị đưa ra xét xử.

- Có tính chất loạn luân

Loạn luân là trường hợp giữa người phạm tội và nạn nhân có quan hệ cùng dòng máu về trực hệ (bố mẹ với con cái, ông bà với các cháu), giữa anh chị em cùng cha mẹ, anh chị em cùng cha khác mẹ hoặc cùng mẹ khác cha.

- Làm nạn nhân có thai [5, tr26].

Tình tiết này đòi hỏi cái thai của nạn nhân là kết quả của việc giao cấu trái với ý muốn giữa nạn nhân và người phạm tội, tức là có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi giao cấu và hậu quả nạn nhân có thai. Dấu hiệu này vẫn được giữ nguyên tại điểm g, khoản 2 Điều 141 BLHS năm 2015.

- Gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân mà tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60% [5, tr26].

- Tái phạm nguy hiểm [5, tr12].

Tái phạm nguy hiểm được quy định tại khoản 2 Điều 49 BLHS năm 1999 như sau:

+ Đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý;

+ Đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý [5, tr26].

### ***b) Khung tăng nặng thứ hai***

Khung tăng nặng thứ hai được quy định tại khoản 3 Điều 111 BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), có mức phạt tù từ 12 năm đến 20 năm. Khung này được áp dụng cho trường hợp phạm tội có một trong những tình tiết định khung tăng nặng sau:

- Gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân mà tỷ lệ thương tật từ 61% trở lên.

Trường hợp phạm tội này cũng tương tự như trường hợp hiếp dâm gây tổn hại cho nạn nhân mà tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60% quy định tại điểm h,

khoản 2 Điều này, chỉ khác nhau ở chỗ, tỷ lệ thương tật của nạn nhân trong trường hợp này là từ 61% trở lên. Về cơ bản, dấu hiệu định khung này vẫn tiếp tục được ghi nhận tại khoản 3 Điều 141 BLHS năm 2015. Tuy nhiên, tương tự như dấu hiệu định khung ở điểm h, khoản 2 Điều 141, BLHS năm 2015 có một sự sửa đổi, bổ sung, đó là: Nếu điểm h, khoản 2 Điều 111 BLHS năm 1999 là dấu hiệu: “*gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân mà tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60%*” thì dấu hiệu định khung tại điểm h, khoản 2 Điều 141 BLHS năm 2015 là “*gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%*” [6, tr58].

- Biết mình bị nhiễm HIV mà vẫn phạm tội [5, tr26].

Đây là trường hợp người phạm tội biết mình nhiễm HIV mà vẫn có hành vi giao cấu trái ý muốn nạn nhân làm cho tính chất và mức độ của hành vi hiếp dâm nguy hiểm hơn nhiều so với trường hợp hiếp dâm bình thường.

Dấu hiệu định khung này vẫn được quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 141 BLHS năm 2015.

- Làm nạn nhân chết hoặc tự sát [5, tr26].

Trường hợp hiếp dâm làm nạn nhân chết là trường hợp hiếp dâm gây ra hậu quả nạn nhân chết và lỗi của người phạm tội đối với hậu quả này là lỗi vô ý. Nếu người phạm tội gây ra hậu quả chết người với lỗi cố ý thì sẽ bị truy cứu TNHS về cả tội giết người và hiếp dâm.

Khung tăng nặng thứ hai của tội hiếp dâm trong BLHS năm 2015 bổ sung trường hợp hiếp dâm “*gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân 46% trở lên*” [6, tr58] (điểm c, khoản 3, Điều 141 BLHS năm 2015). Và cũng như phân tích ở trên, dấu hiệu này phải được hiểu là “*gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 46% trở lên*”.

**c) Khung tăng nặng thứ ba**

Khung tăng nặng thứ ba được quy định tại khoản 4, có mức phạt tù từ 05 năm đến 10 năm áp dụng cho trường hợp “*nạn nhân là người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi*” [6, tr58].

#### *1.1.3.3. Hình phạt bổ sung*

Hình phạt bổ sung được quy định cho tội hiếp dâm là hình phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

Hình phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định được quy định tại Điều 36 BLHS năm 1999. Điều này quy định:

*Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định được áp dụng khi xét thấy nếu để người bị kết án đảm nhiệm chức vụ, hành nghề hoặc làm công việc đó, thì có thể gây nguy hại cho xã hội.*

*Thời hạn cấm là từ 1 năm đến 5 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù hoặc từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu hình phạt chính là cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc trong trường hợp người bị kết án được hưởng án treo [5, tr8].*

Hình phạt bổ sung trên có ý nghĩa trong việc tăng cường hiệu quả của hình phạt chính đã áp dụng đối với người bị kết án, đồng thời loại bỏ điều kiện cho việc phạm tội lại.

BLHS năm 2015 cũng quy định hình phạt bổ sung là cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 1 năm đến 5 năm [6, tr58].

## **1.2. Quy định của Bộ luật Hình sự Việt Nam về tội hiếp dâm**

### ***1.2.1. Quy định của Bộ luật Hình sự năm 1985 về tội hiếp dâm***

BLHS năm 1985 được Quốc hội thông qua ngày 27/6/1985 và có hiệu lực từ ngày 01/11/1986 là BLHS đầu tiên của Nhà nước ta. Tội hiếp dâm đã

được quy định tương đối rõ ràng, đầy đủ. Điều 112 BLHS năm 1985 quy định về tội hiếp dâm bao gồm 4 điều khoản:

*1- Người nào dùng vũ lực hoặc thủ đoạn khác giao cấu với người khác trái ý muốn của họ thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm.*

*Phạm tội hiếp dâm người chưa thành niên từ mười ba tuổi trở lên hoặc người mà người phạm tội có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.*

*2- Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ năm năm đến mười lăm năm:*

*a) Hiếp dâm có tổ chức hoặc nhiều người hiếp một người;*

*b) Hiếp nhiều người hoặc gây tổn hại nặng cho sức khỏe của nạn nhân;*

*c) Tái phạm nguy hiểm.*

*3- Phạm tội làm nạn nhân chết, tự sát hoặc trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng khác thì phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình.*

*4- Mọi trường hợp giao cấu với trẻ dưới mười ba tuổi đều là phạm tội hiếp dâm và người phạm tội bị phạt theo các khoản 2 và 3 Điều này.*

Có thể thấy rằng tội hiếp dâm trẻ em chưa được quy định thành một tội danh độc lập mà chỉ được coi là một tình tiết tăng nặng TNHS của tội hiếp dâm. Đứng trước yêu cầu của công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, yêu cầu điều chỉnh kịp thời chính sách hình sự và đáp ứng yêu cầu của công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm tình dục, BLHS đã được sửa đổi, bổ sung 4 lần: Năm 1989, năm 1991, năm 1992 và năm 1997. Đứng trước sự nhận thức về tội phạm hiếp dâm, đặc biệt là tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi hiếp dâm trẻ em, TANDTC đã ban hành công văn số 73/TK về đường lối xét xử loại tội phạm tình dục trẻ em, trong đó nhấn mạnh việc xét xử nghiêm khắc hơn và áp dụng thêm hình phạt bổ sung.



Do vậy, lần sửa đổi bổ sung vào năm 1997, Điều 112 BLHS năm 1985 đã được sửa đổi, bổ sung với nhiều điểm mới hợp lý hơn, đặc biệt hiếp dâm trẻ em được quy định thành một tội danh riêng tại Điều 112a.

Có thể nói BLHS năm 1985 là một bước ngoặt đáng kể trong lịch sử lập pháp nước ta. Với BLHS năm 1985, lần đầu tiên kể từ năm 1945, nước ta có một văn bản luật hình sự thống nhất, các quy phạm pháp luật hình sự nói chung và các quy định của pháp luật về tội hiếp dâm không nằm rải rác trong nhiều văn bản như trước đây nữa. Qua các lần sửa đổi, bổ sung, quy định về tội hiếp dâm ngày càng hoàn thiện, đã có sự tách biệt tội phạm hiếp dâm trẻ em ra khỏi tội hiếp dâm, thể hiện sự quan tâm của nhà làm luật đối với loại tội phạm này.

### ***1.2.2. Quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về tội hiếp dâm***

BLHS năm 1999 được Quốc hội khóa X thông qua đã có nhiều thay đổi, trong đó có quy định về tội hiếp dâm.

Tội hiếp dâm được quy định tại Điều 111 BLHS năm 1999, cụ thể:

*1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác giao cấu với nạn nhân trái với ý muốn của họ, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.*

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm: a) Có tổ chức; b) Đối với người mà người phạm tội có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh; c) Nhiều người hiếp một người; d) Phạm tội nhiều lần; đ) Đối với nhiều người; e) Có tính chất loạn luân; g) Làm nạn nhân có thai; h) Gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân mà tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60%; i) Tái phạm nguy hiểm.*

*3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình:*

a) Gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân mà tỷ lệ thương tật từ 61% trở lên; b) Biết mình bị nhiễm HIV mà vẫn phạm tội; c) Làm nạn nhân chết hoặc tự sát.

4. Phạm tội hiếp dâm người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, thì bị phạt tù từ năm năm đến mười năm.

Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 Điều này, thì bị xử phạt theo mức hình phạt quy định tại các khoản đó.

5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm.

Như vậy, theo BLHS năm 1999 thì tội hiếp dâm là hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác giao cấu với nạn nhân trái ý muốn của họ.

So với BLHS năm 1985 (sửa đổi, bổ sung năm 1989, 1991, 1992, 1997) quy định về tội phạm này, thì BLHS năm 1999 có những điểm khác biệt sau:

Về dấu hiệu định tội: BLHS năm 1999 mô tả hành vi khách quan đầy đủ và cụ thể hơn: Nếu như Điều 112 BLHS năm 1985 chỉ quy định: “Người nào dùng vũ lực hoặc thủ đoạn khác” thì Điều 111 BLHS năm 1999 quy định: “Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác”.

Về hình phạt đối với tội hiếp dâm: Điều 112 BLHS năm 1985 quy định 5 khung hình phạt, tới Điều 111 BLHS năm 1999 thì nhà làm luật quy định chỉ còn là 4 khung hình phạt. Và đối với một số trường hợp hiếp dâm, khung hình phạt có thể áp dụng là khác nhau ở các điều luật này (như trường hợp hiếp dâm làm nạn nhân chết hoặc tự sát,...). Dấu hiệu định khung tăng nặng của Điều 111 BLHS năm 1999 cũng có những sự thay đổi, chẳng hạn: khoản 2 Điều 111 BLHS năm 1999 quy định dấu hiệu “hiếp dâm người mà người

*phạm tội có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh” là trường hợp tách ra từ đoạn 2 khoản 1 Điều 112 BLHS năm 1985; bổ sung thêm dấu hiệu định khung “Đối với nhiều người”; sửa đổi dấu hiệu mang tính định tính gây tổn hại nặng hoặc rất nặng cho sức khỏe của nạn nhân trong BLHS năm 1985 thành dấu hiệu định lượng trong BLHS năm 1999 là gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân mà tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60% hoặc từ 61% trở lên. Tại khoản 3 Điều 111 BLHS năm 1999, nhà làm luật đã đưa vào dấu hiệu định khung “biết mình bị nhiễm HIV mà vẫn phạm tội” là dấu hiệu mới được quy định trong BLHS năm 1999, xuất phát từ yêu cầu của thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm.*

BLHS năm 1999 được sửa đổi, bổ sung một lần năm 2009. Liên quan đến tội hiếp dâm, khoản 1 Điều 1 Luật số 37/2009/QH12 về sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS quy định:

*1. Bỏ hình phạt tử hình ở các điều 111,...*

*Sửa đổi cụm từ “hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình” thành cụm từ “hai mươi năm hoặc tù chung thân” tại khoản 3 Điều 111,...*

Theo báo cáo của Bộ Tư pháp năm 2014 về kết quả tổng kết thực tiễn thi hành Bộ luật Hình sự thì trong những năm qua, mặc dù BLHS năm 1999 đã phát huy tác dụng tích cực trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, góp phần quan trọng giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Tuy nhiên, theo Báo cáo của các cơ quan chức năng, tình hình tội phạm nhìn chung vẫn diễn biến hết sức phức tạp với những phương thức, thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt. Sau gần 17 năm thi hành BLHS năm 1999, tình hình đất nước, xã hội của ta đã có những thay đổi lớn về mọi mặt nên BLHS năm 1999 đã bộc lộ nhiều hạn chế bất cập. Điều này đã đặt ra yêu cầu sửa đổi BLHS hiện hành một cách cơ bản, toàn diện nhằm đáp

ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới, trong đó có tội phạm hiếp dâm.

### ***1.2.3. Quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 về tội hiếp dâm***

So với BLHS 1999, tội hiếp dâm được quy định trong BLHS 2015 có nhiều sửa đổi để phù hợp với thực tiễn xã hội và đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm này trong giai đoạn hiện nay.

BLHS năm 2015 được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 27/11/2015.

Tội hiếp dâm trong BLHS năm 2015 được quy định tại Điều 141, cụ thể:

*1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc bằng thủ đoạn khác giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác trái với ý muốn của nạn nhân, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.*

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm: a) Có tổ chức; b) Đối với người mà người phạm tội có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh; c) Nhiều người hiếp một người; d) Phạm tội 02 lần trở lên; đ) Đối với 02 người trở lên; e) Có tính chất loạn luân; g) Làm nạn nhân có thai; h) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%; i) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân từ 11% đến 45%; k) Tái phạm nguy hiểm.*

*3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân: a) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; b) Biết mình bị nhiễm HIV mà vẫn phạm tội; c) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân 46% trở lên; d) Làm nạn nhân chết hoặc tự sát.*

4. Phạm tội đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.

Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 Điều này, thì bị xử phạt theo mức hình phạt quy định tại các khoản đó.

5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

Như vậy, theo BLHS năm 2015 thì tội hiếp dâm là hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc bằng thủ đoạn khác giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với nạn nhân trái ý muốn của họ.

Theo quy định tại điều 141 BLHS 2015, hành vi giao cấu không còn là hành vi duy nhất cấu thành tội hiếp dâm. Ngoài hành vi giao cấu còn quy định thêm "hành vi quan hệ tình dục khác".

### **Kết luận chương 1**

Trong chương này, tác giả đã tiến hành phân tích khái niệm, các dấu hiệu pháp lý hình sự cũng như quy định của BLHS từ năm 1985 đến năm 2015 về tội hiếp dâm trên cơ sở khái quát và có sự so sánh giữa BLHS 1999 so với BLHS 2015 và BLHS 1985. Trên cơ sở đó có thể rút ra những kết luận sau:

**Thứ nhất**, tội hiếp dâm là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cao; vì vậy luôn có mức chế tài nghiêm khắc thể hiện thái độ kiên quyết đấu tranh loại tội phạm này của Nhà nước ta.

**Thứ hai**, theo quy định của BLHS 1999, tội hiếp dâm có những dấu hiệu pháp lý đặc trưng, giúp phân biệt tội này với các tội xâm hại tình dục khác cũng như các tội xâm phạm tính mạng, danh dự, sức khỏe con người.

**Thứ ba**, quy định của BLHS 1999 về tội phạm này là tương đối đầy đủ, rõ ràng, thể hiện nhiều tình tiết dự liệu của nhà làm luật. Điều đó tạo thuận lợi cho việc định tội danh và quyết định hình phạt trên thực tế.

Tuy nhiên, cùng với sự thay đổi nhanh chóng của xã hội, Bộ luật thể hiện rõ những thiếu sót, hạn chế như việc quy định chưa cụ thể, một số vấn đề còn dẫn tới nhiều cách hiểu khác nhau cũng như nhiều vấn đề xảy ra trên thực tế còn chưa được nhà làm luật dự liệu dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau, gây khó khăn cho cơ quan tố tụng, dễ dẫn tới tình trạng oan sai, bỏ lọt tội phạm,...

Trên cơ sở có sự đối chiếu với quy định mới của BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) ta thấy cần thiết có sự hoàn thiện quy định của pháp luật hình sự năm 1999 để đảm bảo sự chính xác và hiệu quả trong quá trình nhận thức và áp dụng của các cơ quan tố tụng các cấp, các địa phương.

## Chương 2

### THỰC TIỄN ÁP DỤNG QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ TỘI HIẾP DÂM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN

#### 2.1. Thực tiễn định tội danh tội hiếp dâm trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Tình hình công tác xét xử nói chung và tình hình xét xử tội hiếp dâm nói riêng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên trong giai đoạn 05 năm (từ năm 2013 đến năm 2017) được thể hiện qua 2 bảng số liệu sau đây:

*Bảng 2.1: Số liệu thống kê về tình hình xét xử chung và tội hiếp dâm của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên trong giai đoạn 5 năm (2013 – 2017):*

Năm	Thụ lý		Sơ thẩm		Phúc thẩm	
	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo
2013	3	5	3	5	1	2
2014	5	9	5	9	3	4
2015	4	9	4	9	3	5
2016	7	10	7	10	1	1
2017	9	13	9	13	1	1
Tổng	28	46	28	46	9	13

*(Nguồn: Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2013 – 2017)*

*Bảng 2.2: Số liệu xét xử sơ thẩm về các vụ án hình sự và các vụ án về tội hiếp dâm trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 5 năm (2013 – 2017):*

Năm	Các vụ án hình sự nói chung	Các vụ án hiếp dâm (giải quyết)	Tỷ lệ (%)
2013	1187	3	0,25
2014	1136	5	0,44
2015	1283	4	0,31
2016	1356	7	0,51
2017	1216	9	0,74
Tổng	6178	28	0,45

Nhìn vào 2 bảng số liệu trên để nhận thấy trong giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2017, tòa án các cấp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đã thụ lý 28 vụ

với 46 bị cáo và đã giải quyết được đủ 28 vụ với 46 bị cáo. Trung bình mỗi năm xét xử 5 vụ với 9 bị cáo.

Phân tích, so sánh kết quả công tác xét xử sơ thẩm từ năm 2013 đến năm 2017 cho thấy 2 năm gần nhất, năm 2016 và 2017 số vụ án hiếp dâm được đưa ra xét xử tăng mạnh. Nếu năm 2013 trong toàn tỉnh Thái Nguyên xét xử 3 vụ thì năm 2016 là tăng lên là 7 vụ với 10 bị cáo và 2017 là 9 vụ, 13 bị cáo. Nếu tính tỷ lệ số vụ và số bị cáo xét xử sơ thẩm năm 2013 là 100% thì năm 2017 tỷ lệ này là 175% số vụ và bị cáo. Điều đó cho thấy tính chất và mức độ nguy hiểm của loại tội phạm này trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên ngày càng cao và diễn biến ngày càng đa dạng, phức tạp.

Theo thống kê của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, so với các tội về xâm hại tình dục khác (tội hiếp dâm trẻ em 14 vụ, tội cưỡng dâm 1 vụ, tội giao cấu với trẻ em 56 vụ, tội dâm ô với trẻ em 13 vụ), số vụ án hiếp dâm là lớn thứ hai (28 vụ). Nghiên cứu các vụ án hiếp dâm trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên trong thời gian vừa qua, có thể rút ra một số đặc điểm sau đây:

- Về địa bàn phạm tội: Các khu vực có sự khác nhau về số vụ án hiếp dâm. Các huyện có số vụ cũng như số bị cáo thấp hơn so với thị xã, thành phố (thị xã Phổ Yên, thành phố Sông Công, thành phố Thái Nguyên) bởi lẽ khu vực thành phố, thị xã là khu vực đông dân, lượng người di cư nhiều (lao động từ nơi khác đổ về, người nhập cư, học tập...) điều này dẫn đến tỷ lệ tội phạm cao.

- Về chủ thể thực hiện tội phạm: Thái Nguyên là đầu mối giao thông quan trọng, tiếp giáp với thủ đô Hà Nội nên tình hình an ninh trật tự vô cùng phức tạp. Thực tế đã có nhiều trường hợp chủ thể thực hiện tội hiếp dâm trên địa bàn tỉnh là người nước ngoài (3 bị cáo). Đặc điểm nhân thân bị cáo là người dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ cao (18 bị cáo), nghiện ma túy (14 bị cáo), tái phạm, tái phạm nguy hiểm (15 bị cáo)...



- Về nguyên nhân phạm tội: Chủ yếu do người phạm tội có sử dụng rượu bia (gây hưng phấn, kích thích) cộng với việc thường xuyên xem các nội dung không lành mạnh, văn hóa phẩm đồi trụy trên các phương tiện thông tin đại chúng, internet dẫn tới việc không kiểm soát được hành vi của mình và bất chấp thủ đoạn để phạm tội (chiếm tới 70 %). Ngoài ra là do người bị hại là người thiếu năng trí tuệ, hoặc có lối sống trụy lạc, phong cách ăn mặc hở hang, đua đòi, khiêu dâm, gây kích thích,...

### ***2.1.1. Kết quả đạt được trong định tội danh tội hiếp dâm trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên***

Theo GS.TS Lê Cẩm, trong “Định tội danh - Lý luận, hướng dẫn mẫu và 350 bài tập thực hành” thì có thể định nghĩa định tội danh là một quá trình nhận thức lý luận có tính lôgic, đồng thời là một trong những dạng của hoạt động thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự, cũng như pháp luật tố tụng hình sự và, được tiến hành bằng cách – trên cơ sở các chứng cứ các tài liệu thu thập được và các tình tiết thực tế của vụ án hình sự để đối chiếu, so sánh và kiểm tra nhằm xác định sự phù hợp giữa các dấu hiệu của hành vi nguy hiểm cho xã hội được thực hiện với các dấu hiệu của cấu thành tội phạm cụ thể tương ứng do luật hình sự qui định.

Định tội danh đối với tội phạm hoàn thành là sự đánh giá về mặt pháp lý hình sự hành vi nguy hiểm cho xã hội được thực hiện trên cơ sở đối chiếu, so sánh và kiểm tra để xác định sự giống nhau giữa các dấu hiệu của hành vi ấy với các dấu hiệu của CTTP cụ thể do điều tương ứng trong phần các tội phạm BLHS quy định.

Định tội danh đối với tội phạm chưa hoàn thành là sự đánh giá về mặt pháp lý hình sự hành vi nguy hiểm cho xã hội được thực hiện trong hoạt động phạm tội sơ bộ trên cơ sở đối chiếu, so sánh và kiểm tra để xác định sự phù hợp ở một mức độ nhất định nào đó giữa các dấu hiệu của hành vi ấy trong

giai đoạn chuẩn bị phạm tội hoặc và giai đoạn phạm tội chưa đạt với các dấu hiệu của CTTP cụ thể do điều tương ứng tại phần các tội phạm BLHS quy định.

Định tội danh đối với tội phạm có đồng phạm là sự đánh giá về mặt pháp lý hình sự hành vi nguy hiểm cho xã hội được thực hiện bởi sự cố ý cùng tham gia của từ hai người trở lên vào việc thực hiện đó trên cơ sở đối chiếu, so sánh và kiểm tra để xác định sự giống nhau giữa các dấu hiệu trong hành vi của từng người đồng phạm với các dấu hiệu của CTTP cụ thể do điều tương ứng tại Phần các tội phạm BLHS quy định.

DTD đối với nhiều tội phạm là sự đánh giá về mặt pháp lý hình sự hành vi nguy hiểm cho xã hội được thực hiện trong trường hợp phạm tội nhiều lần, phạm nhiều tội, tái phạm hoặc phạm tội có tính chuyên nghiệp trên cơ sở đối chiếu, so sánh và kiểm tra để xác định sự giống nhau của các dấu hiệu của hành vi ấy với các dấu hiệu của CTTP cụ thể do điều tương ứng tại Phần các tội phạm BLHS quy định.

Việc xác định tội danh trong vụ án hình sự nói chung và việc định tội danh tội hiếp dâm nói riêng luôn luôn được sự quan tâm của tòa án nhân dân các cấp trong tỉnh Thái Nguyên.

Qua thực tiễn định tội danh của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đối với tội hiếp dâm trong giai đoạn 05 năm (2013 – 2017) cho thấy về cơ bản tòa án các cấp trong tỉnh đã xác định tội danh chính xác; xác định đúng đắn, đầy đủ các tình tiết của hành vi phạm tội; xét xử đúng người, đúng tội, không có tình trạng bỏ lọt tội phạm cũng như làm oan người vô tội. Theo bản tổng kết hàng năm cũng như báo cáo 5 năm của tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, việc xét xử về tội hiếp dâm theo đúng thủ tục tố tụng, định tội danh đảm bảo chính xác, đúng quy định pháp luật, không có việc định tội danh sai hay nhầm lẫn giữa tội này với tội khác. Và dựa trên nội dung cũng như các tài liệu,

chứng cứ trong hồ sơ vụ án, về cơ bản Tòa án các cấp đã xét xử đúng người, đúng pháp luật và đúng tội danh. Có thể kể đến một số vụ án như sau:

Vụ án 1: Do bố mẹ đi làm ăn xa nên chỉ có em Dương Thị Ly (SN 1997, trú tại xã Dương Thành, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên) cùng người anh họ trông coi nhà. Buổi tối thường có người anh họ lên ngủ trông nhà cùng Ly. Đối tượng Khiêm vốn là bạn của anh họ Ly. Lợi dụng đêm khuya vắng, đối tượng Giáp Văn Khiêm (SN 1995, ngụ tại xã Liên Chung, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang) đã đột nhập vào nhà em Ly để giở trò đồi bại. Hôm ấy khoảng 2h ngày 1/7/2016, em Ly đang ngủ say thì chợt tỉnh giấc vì thấy có ai đó chạm vào người mình. Tỉnh dậy phát hiện ra người đó là Khiêm, Ly đã đuổi hắn ra ngoài rồi khóa cửa lại ngủ tiếp. Không thực hiện được ý đồ đen tối, Khiêm thoát ra ngoài rồi đi lang thang một lúc rồi quay lại tiếp tục tìm cách len vào phòng em Ly.

Vào được phòng, đối tượng Khiêm đã nhanh tay lấy chăn bịt mặt nạn nhân. Lúc này, Ly kêu cứu thì bị Khiêm dọa giết chết. Do ở nhà một mình, cộng với thái độ hung hãn nên Ly đành cắn răng chịu đựng để cho hắn thực hiện hành vi đồi bại. Hành sự xong, đối tượng Khiêm nằm lăn ra ngủ ngay tại giường của nạn nhân. Đợi lúc Khiêm ngủ say, em Ly chạy ra ngoài và kể lại sự việc cho người thân. Sau đó, người nhà nạn nhân đã báo tin lên Công an xã Dương Thành.

Có thể thấy trong vụ án này người phạm tội đã sử dụng cả hai thủ đoạn phạm tội là dùng vũ lực (lấy chăn bịt mặt) và đe dọa dùng vũ lực (dọa giết chết) để uy hiếp tinh thần nạn nhân nhằm thực hiện hành vi phạm tội. Từ đó thực hiện hành vi giao cấu trái với ý muốn của nạn nhân. Khiêm biết rõ hành vi này là nguy hiểm cho xã hội và trái ý muốn của Ly nhưng vẫn quyết thực hiện đến cùng. Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên đã xác định Khiêm phạm tội hiếp dâm (Điều 111 BLHS)

Vụ án 2: Khoảng 9h sáng 2.11, Tạ Quang Trường đến quán cắt tóc gội đầu của chị Nguyễn Thị Kim Anh ở xóm Thái Cao, xã Tiên Phong, huyện Phổ Yên, Thái Nguyên với mục đích để cắt tóc. Tuy nhiên đây chỉ là cái cớ để đối tượng tiếp cận chị Kim Anh nhằm thực hiện mục đích phạm tội của mình.

Khi phát hiện thấy quán vắng vẻ, ngay lập tức đối tượng dùng hung khí khống chế chị Kim Anh kéo vào phòng ngủ để thực hiện hành vi đồi bại. Bị nạn nhân chống cự, Trường đã lấy dây thừng trói chị Kim Anh, thực hiện hành vi giao cấu trái với ý muốn nạn nhân rồi cướp chiếc điện thoại di động và bỏ đi. Khi đối tượng rời đi, nạn nhân chạy ra ngoài kêu cứu và được người dân đưa đến Bệnh viện Quân y 91.

Có thể thấy những vụ án xâm phạm danh dự nhân phẩm của con người được Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên hết sức quan tâm chú trọng giải quyết. Quy trình giải quyết vụ án được thực hiện vô cùng chặt chẽ và kỹ lưỡng. Vụ án này không chỉ đơn thuần là vụ án hiếp dâm mà còn cấu thành tội cướp tài sản. Rõ ràng, kẻ phạm tội quyết tâm thực hiện đến cùng hành vi phạm tội của mình. Để chống lại sự kháng cự của nạn nhân, người phạm tội đã lấy dây thừng trói nạn nhân để dễ dàng thực hiện hành vi phạm tội. Việc truy tố Tạ Quang Trường về tội hiếp dâm (Khoản 1 Điều 111) và tội cướp tài sản (Điều 133 BLHS) và Tòa án xét xử theo điều khoản trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

### ***2.1.2. Hạn chế, vướng mắc trong định tội danh tội hiếp dâm trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và nguyên nhân của hạn chế, vướng mắc***

Những tồn tại, hạn chế, vướng mắc trong việc định tội danh tội hiếp dâm trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên tập trung ở một số điểm sau:

- Còn có vụ án chưa làm rõ sự thật khách quan, chưa đủ hoặc chậm thu thập chứng cứ chứng minh tội phạm nên ảnh hưởng đến việc định tội danh. Do tính chất nhạy cảm của loại tội này nên việc thu thập chứng cứ phạm tội

rất khó xác định và thu thập (đặc biệt với người phạm tội là người nước ngoài, người dân tộc thiểu số do việc xác minh nhân thân, bất đồng ngôn ngữ, trình độ văn hóa, chữ viết, tiếng nói hạn chế,...)

- Số ít Thẩm phán vẫn còn xác định tội hiếp dâm hoàn thành khi người phạm tội đã thỏa mãn (xuất tinh) dẫn tới nhận thức về bản chất của bản án thiếu chính xác.

- Về việc tiếp nhận, thẩm tra, xác minh tin báo về tội phạm hiếp dâm: Việc tiếp nhận, thẩm tra, xác minh tin báo về tội hiếp dâm nhiều khi chưa kịp thời, dẫn đến việc xác định dấu hiệu và căn cứ để ra quyết định khởi tố vụ án liên quan đến các loại tội phạm này còn chậm chạp, ảnh hưởng đến tiến trình giải quyết vụ án hình sự.

- Khó khăn trong yêu cầu của người bị hại làm căn cứ khởi tố và định tội danh đối với tội hiếp dâm. Tội hiếp dâm theo quy định tại Khoản 1 là tội mà chỉ được khởi tố khi có yêu cầu của người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của người bị hại là người chưa thành niên, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất.

- Còn có sự nhận thức không đúng của cơ quan tư pháp về hành vi khách quan, sự nhận thức chưa thống nhất trong việc xác định tình tiết phạm tội nhiều lần, nhận thức chưa đúng về định tội danh theo cấu thành tăng nặng tại điểm c, khoản 3, Điều 111 BLHS năm 1999,...

- Khái niệm giao cấu không được định nghĩa trong BLHS cũng như các văn bản giải thích, hướng dẫn thi hành dẫn tới sự thiếu thống nhất trong thực tiễn xét xử. Và vì vậy, hình phạt mà Tòa án tuyên còn chưa tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội gây ra.

- BLHS năm 1999 quy định chủ thể của tội hiếp dâm chỉ là nam giới. Căn cứ yêu cầu thực tiễn hiện nay cần mở rộng theo hướng chủ thể bao gồm cả nam giới và nữ giới.

Những hạn chế, vướng mắc trên đây xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau. Trong đó bao gồm cả nguyên nhân chủ quan từ chính sự nhận thức chưa đúng đắn của các cơ quan tố tụng và cả nguyên nhân từ những lỗ hổng trong quy định của pháp luật. Những quy định của các điều luật về các tội xâm hại tình dục nói chung cũng như điều luật 112 về tội Hiếp dâm trẻ em trong Bộ luật hình sự nói riêng khi áp dụng vẫn gặp phải những quan điểm, đường lối xử lý thiếu thống nhất, còn tùy nghi do cách hiểu, cách tiếp cận những quy định luật hình sự của các Tòa án còn nhiều khác biệt. Điều này dẫn đến việc áp dụng pháp luật vào thực tế không thể hiện được hết mức độ tương xứng giữa chế tài áp dụng với tính chất, mức độ nguy hiểm hay hậu quả mà người phạm tội gây ra, không thể hiện được hết tính nghiêm minh của pháp luật vào đời sống xã hội.

## **2.2. Thực tiễn quyết định hình phạt đối với tội hiếp dâm trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

### ***2.2.1. Những kết quả đạt được trong quyết định hình phạt đối với tội hiếp dâm trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên***

Quyết định hình phạt là việc Tòa án quyết định áp dụng loại và mức hình phạt cụ thể đối với người phạm tội phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm mà họ gây ra.

Quyết định hình phạt là một giai đoạn rất quan trọng trong hoạt động xét xử của Tòa án. Quyết định hình phạt đối với người phạm tội có ý nghĩa về chính trị, xã hội và ý nghĩa pháp lý. Quyết định hình phạt có căn cứ, đúng pháp luật, công bằng là tiền đề và điều kiện để đạt được mục đích của hình phạt. Nghĩa là mới có khả năng cải tạo, giáo dục người bị kết án trở thành người có ích cho xã hội, mới có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung. Đồng thời, quyết định hình phạt đúng còn góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh

phòng ngừa và chống tội phạm, bảo vệ và tăng cường pháp chế và trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Xuất phát từ thực tế cuộc sống luôn luôn vận động, phát triển đa dạng mà luật pháp chỉ điều chỉnh những quan hệ khái quát nhất và cơ bản nhất. Vì vậy, để đánh giá đúng hành vi phạm tội, con người phạm tội thì nhà làm luật cũng dành cho tòa án quyền đánh giá cụ thể và chi tiết các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS, nhân thân người phạm tội để quyết định hình phạt. Vì lý do đó mà quyết định hình phạt đối với từng người phạm tội trong từng vụ án là không giống nhau. Quy định này thể hiện một sự nhìn nhận sâu sắc và biện chứng về hành vi phạm tội và con người phạm tội của luật hình sự nước ta và cũng là để theo hợp với sự biến chuyển của quan hệ xã hội.

Nhìn chung công tác xét xử của tòa án các cấp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên trong những năm qua đã có những tiến bộ rõ rệt, chất lượng xét xử ngày càng được cải thiện. Các hội đồng xét xử đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, thận trọng, tỉ mỉ khi áp dụng pháp luật hình sự để quyết định hình phạt nghiêm minh, đúng mức. Các hình phạt nghiêm khắc được áp dụng đối với các đối tượng phạm tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng, phạm tội có tổ chức, tái phạm nguy hiểm, gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng. Tòa án các cấp trong toàn tỉnh cũng cần nhắc thận trọng khi áp dụng các tình tiết giảm nhẹ và các quy định của BLHS để áp dụng các hình phạt không phải là phạt tù. Đặc biệt đối với tội hiếp dâm, Tòa án các cấp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên luôn quan tâm nghiên cứu kỹ hồ sơ, thực tế vụ án để đưa ra quyết định hình phạt chính xác và công tâm nhất.

Tình hình quyết định hình phạt đối với tội hiếp dâm trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên trong giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2017 được thể hiện qua 2 bảng số liệu dưới đây:

*Bảng 2.3: Tình hình áp dụng hình phạt đối với tội hiếp dâm của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2013 – 2017*

<b>Giai đoạn</b>	<b>Tổng số bị cáo</b>	<b>Cho hưởng án treo</b>	<b>Tù từ 3 năm trở xuống</b>	<b>Tù từ trên 3 năm đến 7 năm</b>	<b>Tù từ trên 7 năm đến 15 năm</b>	<b>Tù từ trên 15 năm đến 20 năm</b>	<b>Tù chung thân</b>	<b>Tử hình</b>
2013-2017	46	3	5	16	22	0	0	0

*Bảng 2.4: Thống kê thụ lý và giải quyết các vụ án hiếp dâm phúc thẩm*

Giai đoạn	Viện kiểm sát kháng nghị		Kháng cáo		Số vụ rút kháng cáo	Số vụ xử y án sơ thẩm
	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo		
2013-2017	1	1	8	12	4	1

Nhìn vào bảng số liệu trên có thể thấy trong giai đoạn 5 năm (từ năm 2013 đến năm 2017, trong tổng số 46 bị cáo phạm tội hiếp dâm bị đưa ra xét xử, hình phạt tù từ 7 đến 15 năm là cao nhất (22 bị cáo), đứng thứ hai là tù từ trên 3 năm đến 7 năm (16 bị cáo), số bị cáo cho hưởng án treo và tù từ 3 năm trở xuống chỉ là 8 bị cáo. Điều đó thể hiện tính nghiêm khắc trong quyết định hình phạt đối với tội phạm hiếp dâm.

Có thể phân tích một số vụ án dưới đây để làm rõ hơn vấn đề quyết định hình phạt đối với tội hiếp dâm trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Vụ án 1: *Biết Hoàng Thị Diễm (sinh ngày 03/4/1995) là người cùng xóm Đồng Vung, xã Hòa Bình, huyện Đông Hỷ bị thiếu năng trí tuệ từ nhỏ, mất khả năng nhận thức và biết Diễm không có người trông, thường hay sang nhà chơi hộp quà hình chữ “LOVE” (kích thước 32cm x 25cm x 4cm) của gia*



đình nên trong khoảng thời gian từ tháng 7/2016 đến ngày 08/11/2016, Lưu Văn Công đã nhiều lần quan hệ tình dục với Diễm. Cụ thể:

Lần thứ nhất: khoảng 10 giờ khoảng tháng 7/2016 (không nhớ ngày), Công đang ở nhà một mình thấy Diễm sang nhà Công và tự ý cầm hộp đựng quà sinh nhật hình chữ “LOVE” để trong tủ của gia đình chơi, Công quát không cho Diễm chơi và giằng lấy hộp quà, Diễm khóc và nài nỉ Công cho chơi hộp quà, Công bảo Diễm nếu muốn chơi phải nghe lời Công, Diễm đồng ý. Sau đó Công dắt Diễm vào buồng nhà Công và quan hệ tình dục với Diễm.

Lần thứ hai: cách lần thứ nhất (khoảng 1 tháng sau) tháng 8/2016, tương tự như thủ đoạn lần thứ nhất. Công đưa Diễm vào trong buồng ngủ của gia đình mình và quan hệ tình dục với Diễm. Mỗi lần quan hệ tình dục Công đều xuất tinh vào trong âm hộ của Diễm.

Lần thứ ba: Khoảng 15 giờ ngày 08/11/2016 (tức ngày 09/10/2016 âm lịch), Lưu Văn Công ngủ một mình ở trong buồng nhà mình thì nghe thấy tiếng động ở ngoài sân, Công nhìn qua khe cửa quan sát thấy Diễm đang chơi một mình ở sân nhà mình, Công đã nảy sinh ý định quan hệ tình dục với Diễm nên đã gọi Diễm đi vào trong buồng nơi Công nằm đồng thời dùng tay kéo Diễm nằm xuống. Công nói “nằm im tí anh cho hộp quà mang về”, nghe thấy Công nói vậy Diễm nằm im. Sau khi quan hệ xong Công dặn Diễm không được nói cho ai biết, nếu không sẽ không cho sang nhà chơi đồ chơi nữa .

Sau khi phát hiện cháu Hoàng Thị Diễm có dấu hiệu của người mang thai chị Long Thị Dậu (mẹ Diễm) đã đi mua que thử thai về xác định Diễm có thai, gia đình đã đưa Diễm xuống Bệnh viện đa khoa huyện Đông Hỷ siêu âm, bác sĩ xác định thai nhi được khoảng 15 tuần tuổi. Ngày 23/02/2017 bà Dậu đã làm đơn trình bày và đề nghị giải quyết vụ việc. Sau khi sự việc bị phát hiện ngày 03/5/2017 Lưu Văn Công đã đến Công an huyện Đông Hỷ đầu thú và tự giác khai nhận các lần phạm tội như nêu trên của mình.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thì hành vi nêu trên của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội hiếp dâm (Điểm d,g khoản 2 Điều 111 BLHS 1999; Điểm b, p Khoản 1, 2 Điều 46 BLHS).

Nội dung điều luật Tòa án áp dụng:

*“1-Người nào dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác giao cấu với nạn nhân trái ý muốn của họ thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.*

*2- Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm*

*a,....*

*d, phạm tội nhiều lần*

*...*

*g, Làm nạn nhân có thai”.*

Lợi dụng việc Diễm là người thiếu năng trí tuệ, mất khả năng nhận thức, Công đã giao cấu với nạn nhân (nạn nhân không biểu lộ được ý chí đúng đắn). Nên việc định tội danh tội hiếp dâm với bị cáo ở đây là hoàn toàn đúng.

Có thể thấy rằng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, hành vi của bị cáo xâm phạm an toàn trật tự công cộng gây mất trật tự trị an ở địa phương, gây ảnh hưởng xấu đến quần chúng nhân dân do vậy cần cách ly bị cáo một thời gian nhất định mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích và đấu tranh phòng ngừa chung.

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng:

- Về nhân thân: Khi phạm tội bị cáo tuổi còn trẻ, tâm sinh lý chưa phát triển toàn diện, có nhân thân tốt, thiếu hiểu biết pháp luật, chưa có tiền án, tiền sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khi sự việc xảy ra bị cáo cùng gia đình tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điểm b, p Khoản 1 Điều 46 BLHS. Bị cáo ra đầu thú, người đại diện hợp pháp cho người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Khoản 2 Điều 46 BLHS. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 48 BLHS. Căn cứ vào các phân tích trên, Tòa án nhân dân huyện Đông Hỷ đã tuyên phạt bị cáo Công 7 tháng 6 năm tù.

Vụ án 2: Theo cáo trạng, vào khoảng 00 giờ ngày 16/9/2017, Nguyễn Văn Long (SN 1981, xã Bảo Cường, huyện Định Hóa, Thái Nguyên) ra khỏi nhà mang theo đèn pin đi tìm nhà dân sở hỏ nhằm trộm tài sản. Long đi vào khu nhà dân ở TT Chợ Chu, Định Hóa, đến nhà của chị V (SN 1992) thấy cửa tầng 2 chỉ khép hờ, không khóa (nhà có ba tầng) nên Long trèo lên cây sấu phía trước nhà, bò qua mái tôn và mở cửa ra sau đó chui vào nhà. Tiếp đó, Long dùng đèn pin rọi tìm tài sản ở tầng hai nhưng không thấy nên tiếp tục đi xuống tầng dưới rồi vào phòng ngủ của gia đình chị V, lúc này chị đang ngủ cùng con gái (mới được 11 tháng tuổi) Đúng lúc này, chị V giật mình thức giấc. Long thấy vậy liền nói: “Im, im, nếu không bóp cổ”. Rồi bắt chị V phải trùm chăn kín lại. Sau một hồi lục lọi đồ đạc nhưng không tìm được tài sản. Long đến kêu chị V dậy hỏi: “Tiền đâu?”. Do quá sợ hãi nên chị V đã đi đến chỗ cất vàng lấy đưa cho Long một sợi dây chuyền vàng và 4 mặt dây chuyền 18K. Sau đó Long thấy trên bàn có một laptop và 1 điện thoại di động nên đã lấy luôn (tổng số tài sản trị giá trên 12 triệu đồng). Lúc định ra về, nhìn thấy

chị V đang mặc đồ ngủ nên Long đã nảy sinh ý định hiếp dâm. Và mặc cho chị V vùng vẫy, Long vẫn không ché thực hiện hành vi thú tính của mình. Sau khi thực hiện hành vi đồi bại, Long lấy tài sản trèo ra lối cũ trở về nhà ngủ. Sau khi sự việc xảy ra, chị V hốt hoảng chạy ra khóa cửa phòng lại. Đến sáng hôm sau chị đã đến trình báo Công an. Đến trưa ngày hôm sau, Long đem số tài sản vừa cướp được bán cho một số người được 5 triệu đồng, tiêu xài cá nhân hết.

Tại Tòa, Long thành khẩn khai báo, nhưng do hành vi của Long là rất nguy hiểm và Long từng có một tiền án về tội trộm cắp tài sản vừa chấp hành án xong vào tháng 7/2010 nên HĐXX đã quyết định tuyên phạt Nguyễn Văn Long 7 năm tù về tội cướp tài sản 7 năm tù về tội hiếp dâm, tổng hợp hình phạt chung là 14 năm tù.

Vụ án 3: Trưa ngày 21-1-2017, Đới Văn Quảng (trú tại TP Nam Định, tỉnh Nam Định) từ tỉnh Long An về Nam Định và nảy sinh ý định lên thăm đơn vị cũ đóng tại thành phố Sông Công (nơi Quảng tham gia nghĩa vụ quân sự từ năm 2010-2011). Khoảng 19h cùng ngày, Quảng xuống xe khách tại ngã ba Phố Cò, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên. Sau đó, Quảng bắt taxi vào đơn vị cũ chơi nhưng đơn vị đóng cửa Quảng tiếp tục đi vào nhà người quen (từ năm 2011) nhưng không gặp.

Trên đường đi ra, Đới Văn Quảng nhìn thấy ra hai mẹ con chị VA ở khu vực vắng Quảng đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của chị VA. Quảng đi ra khu vực ngã ba gần nhà chị VA chờ đến đêm để thực hiện hành vi phạm tội.

Khoảng 23h cùng ngày, Quảng đi đến nhà chị VA, thấy xung quanh vắng, không có người qua lại, y dùng thanh gỗ cạy cửa, đột nhập vào nhà chị VA, lục soát tài sản, lấy được một chiếc nhẫn vàng, 1 điện thoại di động và hơn 2 triệu đồng. Khi đang đóng cửa tủ để tẩu thoát thì bị chị VA phát hiện, truy hô, y liền dùng chông sắt (thanh kim loại hình trụ, dài 50cm, có một đầu

vát nhọn và một đầu vuông) đập vào người chị VA, làm chị VA bất động. Cùng lúc cháu V thức, Quảng tiếp tục dùng chèo đập liên tiếp cháu V 3 nhát. Khi thấy cả hai bất động, Quảng đã thực hiện hành vi đòi bại với chị VA, sau đó bỏ trốn khỏi hiện trường.

Trong thực tế xét xử các vụ án hiếp dâm trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, ở các trường hợp khác nhau, hành vi phạm tội cũng khác nhau về tính chất, mức độ nguy hiểm; nhân thân người phạm tội cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng khác nhau. Do vậy, khi quyết định hình phạt trong từng trường hợp cụ thể, Tòa án phải cân nhắc cả căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Đây là căn cứ quyết định hình phạt giúp Tòa án dựa vào đó tuyên hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện trên thực tế. Để đánh giá mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã dựa vào những tình tiết như: Tính chất và mức độ hậu quả đã gây ra hoặc đe dọa gây ra, mức độ lỗi, tính chất của động cơ phạm tội, tính chất của hành vi phạm tội như phương pháp, thủ đoạn phạm tội, công cụ phương tiện phạm tội, hoàn cảnh phạm tội,... Và để hình phạt đó có phù hợp với khả năng cải tạo, giáo dục của bị cáo cũng như hoàn cảnh gia đình họ, Tòa án nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh còn căn cứ vào cả nhân thân người phạm tội. Vì nhân thân người phạm tội không chỉ phản ánh tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà còn phản ánh khả năng cải tạo, giáo dục của người phạm tội cũng như hoàn cảnh đặc biệt của họ. Tuy nhiên không phải mọi tình tiết thuộc về nhân thân người phạm tội đều được xem xét khi quyết định hình phạt. Chỉ những tình tiết có liên quan đến khả năng đạt được mục đích hình phạt mới được xem xét để quyết định hình phạt.

### ***2.2.2. Hạn chế, vướng mắc trong quyết định hình phạt đối với tội hiếp dâm trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và nguyên nhân***

Bên cạnh những mặt ưu điểm kể trên, thời gian qua, vấn đề quyết định hình phạt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên vẫn gặp phải nhiều sai sót và hạn chế. Cùng là hoạt động thực tiễn của Tòa án nhưng so với định tội danh thì quyết định hình phạt chiếm tỷ lệ sai sót cao hơn rất nhiều. Số lượng án bị cải sửa về hình phạt hàng năm bao giờ cũng cao hơn rất nhiều so với án bị sửa về tội danh. Sai sót chủ yếu của Tòa án trong quyết định hình phạt là do vận dụng không đúng các căn cứ quyết định hình phạt, mà phổ biến là không áp dụng hình phạt trong trường hợp phạm tội chưa đạt; quyết định hình phạt sai do định tội danh sai; vận dụng sai các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; nhân thân người phạm tội; quyết định hình phạt nhẹ và cho hưởng án treo không đúng quy định.

- Trong thực tiễn xét xử của Tòa án nhân dân các cấp trong tỉnh Thái Nguyên thường ít xem xét đến ý thức chủ quan của người phạm tội đối với hành vi và đối tượng bị xâm hại khi quyết định hình phạt.

- Về hình phạt bổ sung: Trong thực tiễn xét xử 05 năm, từ năm 2013 đến năm 2017 Tòa án các cấp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên không áp dụng hình phạt bổ sung nào. Vì vậy hình phạt bổ sung với tội hiếp dâm còn mang tính lý thuyết, không thực sự khả thi.

Qua tìm hiểu thực tiễn quyết định hình phạt đã cho thấy trình độ chuyên môn cũng như đạo đức nghề nghiệp của một số thẩm phán và hội thẩm nhân dân còn hạn chế. Vì vậy để nâng cao chất lượng hoạt động xét xử của Tòa án trong đó có hoạt động quyết định hình phạt thì công tác bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp cũng như cải tiến phương pháp làm việc của các cán bộ xét xử giữ vai trò cực kì quan trọng.

## **Kết luận chương 2**

Trong chương này, tác giả đã nêu lên khái niệm định tội danh, khái niệm quyết định hình phạt, phân tích những vấn đề lý luận của định tội danh và quyết định hình phạt tội hiếp dâm. Từ đó có thể rút ra một số khái quát sau:

- Thứ nhất, định tội danh và quyết định hình phạt là những vấn đề đa dạng và phức tạp, phong phú và nhiều khía cạnh của khoa học luật hình sự và chính vì vậy, trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam hiện nay cần phải tiếp tục việc nghiên cứu sâu hơn, đầy đủ, có hệ thống toàn diện hơn nữa về những vấn đề này để góp phần đưa ra các luận điểm, lý giải đúng đắn và khả thi cho các hoạt động lập pháp, lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực tư pháp hình sự của đất nước.

- Thứ hai, định tội danh và quyết định hình phạt đúng và chính xác là những vấn đề hết sức quan trọng trong nhiệm vụ của Tòa án nhân dân các cấp, đảm bảo giữ vững niềm tin của nhân dân vào việc xét xử đúng người, đúng tội của cơ quan cầm “cán cân công lý”.

Bằng việc khái quát thực tiễn xét xử một số vụ án hiếp dâm ở tỉnh Thái Nguyên để làm rõ thực tiễn định tội danh và quyết định hình phạt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Để từ đó nhận thấy rằng bên cạnh những mặt tích cực còn tồn tại một số hạn chế, bất cập, khó khăn vướng mắc từ chính cơ quan tiến hành tố tụng và cả quy định của pháp luật cũng như một số yếu tố khác. Vì vậy, cần thiết phải có những giải pháp phù hợp trên tất cả các mặt để hoàn thiện hơn nữa vấn đề này. Nội dung này sẽ được tác giả làm rõ trong chương 3.

### **Chương 3**

## **YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO ÁP DỤNG ĐÚNG QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI HIẾP DÂM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN**

### **3.1. Yêu cầu đảm bảo áp dụng đúng quy định của Bộ luật hình sự về tội hiếp dâm trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

Những yêu cầu nâng cao chất lượng định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội hiếp dâm thể hiện trên ba mặt sau:

#### ***3.1.1. Yêu cầu về chính trị, xã hội***

Trong những năm gần đây, Đảng, Nhà nước và Chính phủ đã ban hành nhiều chỉ thị, Nghị quyết, kết luận, chương trình, văn bản,... đã thể hiện chính sách chung trong việc hoàn thiện hệ thống pháp luật hình sự, bảo đảm yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới, cũng như phòng, ngừa oan sai, vi phạm pháp luật trong thực tiễn áp dụng pháp luật. Yêu cầu đặt ra là cần đảm bảo hệ thống chính trị trong sạch, đảm bảo phát triển kinh tế xã hội một cách bền vững nhằm hạn chế đến mức thấp nhất số vụ án hiếp dâm xảy ra.

#### ***3.1.2. Yêu cầu về lý luận và thực tiễn***

Từ yêu cầu đấu tranh phòng, chống các tội phạm về tình dục nói chung, tội hiếp dâm nói riêng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên của ngành tòa án, cũng như qua báo cáo của các cơ quan bảo vệ pháp luật cho thấy, tình hình tội phạm nói chung vẫn diễn biến phức tạp, gây mất ổn định về chính trị, an ninh và an toàn xã hội.

#### ***3.1.3. Yêu cầu về lập pháp hình sự***

Hoàn thiện pháp luật hình sự về các dấu hiệu pháp lý, hình phạt, cũng như các văn bản hướng dẫn áp dụng tội hiếp dâm chính là từng bước khắc phục tồn tại trong việc định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội phạm này trong công tác xét xử của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, từ đó nâng



cao chất lượng và hiệu quả của công tác xét xử có ý nghĩa về phương diện lập pháp hình sự, cũng như xác định rõ ranh giới tội phạm và không phải tội phạm, quyết định mức hình phạt phù hợp, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự,... tránh vi phạm trong thực tiễn xét xử.

Trong quá trình xét xử, một vài vụ án Tòa án hai cấp chưa làm tốt công tác phối hợp với các cơ quan tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa, vai trò của một số hội thẩm vẫn còn hạn chế, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của một vài thẩm phán chưa đáp ứng yêu cầu của thực tế nên vẫn còn trường hợp áp dụng chưa đúng.

### **3.2. Giải pháp đảm bảo áp dụng đúng quy định của Bộ luật hình sự về tội hiếp dâm trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

#### ***3.2.1. Chú trọng ban hành các văn bản hướng dẫn, giải thích chi tiết tội hiếp dâm theo Điều 141 BLHS năm 2015***

Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi năm 2017), với những nội dung sửa đổi, bổ sung tương đối toàn diện kể cả về kết cấu, bố cục, nội dung và kỹ thuật lập pháp, đã khắc phục phần lớn những bất cập trong BLHS năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009). Bộ luật có hiệu lực thi hành từ 01/01/2018. Nội dung tội hiếp dâm trong BLHS năm 2015 được quy định tại Điều 141:

Để triển khai nội dung tội hiếp dâm theo BLHS năm 2015 một cách đúng đắn, thống nhất và phù hợp với thực tiễn, cần có văn bản giải thích về tội này. Trong văn bản, cần giải thích rõ những nội dung của tội hiếp dâm có thay đổi hoặc đang gây tranh cãi, vướng mắc trên thực tế, đó là vấn đề khách thể của tội hiếp dâm, chủ thể của tội hiếp dâm, hành vi khách quan của tội này và một số dấu hiệu định khung tăng nặng.

- Cần tiếp tục nghiên cứu về mặt lý luận, kết hợp với thực tiễn thực hiện để hoàn thiện quy định của BLHS 2015, song song với khẩn trương ban hành

các văn bản quy định chi tiết hướng dẫn thi hành để BLHS thật sự đi vào cuộc sống, dễ hiểu, dễ thực hiện.

- Mức hình phạt giữa các khung hình phạt tội hiếp dâm cần có sự rành mạch, rõ ràng, cụ thể hơn.

- Sửa đổi hình phạt bổ sung của tội hiếp dâm là phạt tiền hoặc cấm cư trú. Quy định hiện hành về vấn đề này còn thiếu tính khả thi.

Theo tác giả cần thống nhất nhận thức một số nội dung như sau:

#### *3.2.1.1. Về khách thể của tội hiếp dâm*

Khách thể của tội hiếp dâm cần hiểu chung là quyền bất khả xâm phạm về tình dục của con người (bao gồm của cả nam giới và nữ giới). Không chỉ hiểu khách thể của tội hiếp dâm như BLHS năm 1999 là quyền bất khả xâm phạm về tình dục của phụ nữ. Bởi, hành vi quan hệ tình dục của con người ngày càng đa dạng mà kéo theo đó, cả nam giới cũng có thể là nạn nhân bị xâm hại tình dục. Quyền bất khả xâm phạm tình dục là quyền con người, quyền chung của cả nam giới và nữ giới. Chính vì vậy, để bảo vệ quyền này của nam giới nói riêng và con người nói chung, phải coi khách thể của tội hiếp dâm là quyền bất khả xâm phạm về tình dục và nam giới cũng có thể là đối tượng tác động của tội phạm này.

#### *3.2.1.2. Về chủ thể của tội phạm*

Theo quy định của BLHS năm 2015, chủ thể của tội hiếp dâm là chủ thể thường. Bởi, về lý luận, nữ giới vẫn có thể là giao cấu trái ý muốn với nam giới khi cho nam giới sử dụng chất ma túy gây ảo giác hoặc lợi dụng, dụ dỗ nam giới bị tâm thần giao cấu với mình. Bên cạnh đó, việc mở rộng hành vi khách quan của tội phạm này trong luật cũng chứng tỏ việc thừa nhận nữ giới có thể là chủ thể của tội hiếp dâm.

### 3.2.1.3. Về hành vi khách quan

Cần giải thích rõ khái niệm “hành vi quan hệ tình dục” và “giao cấu”. Trước hết, theo quy định của điều luật: “...giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác trái với ý muốn của nạn nhân” thì chắc chắn rằng “giao cấu” là một loại hành vi “quan hệ tình dục”. Như vậy, chỉ cần giải thích khái niệm “hành vi quan hệ tình dục” và khái niệm “giao cấu”, thì những hành vi khác thuộc hành vi quan hệ tình dục, không phải là giao cấu sẽ là “hành vi quan hệ tình dục khác” được nhắc đến trong điều luật. Có hai phương án trong việc giải thích khái niệm này:

Phương án một: Giữ nguyên cách định nghĩa giao cấu như hiện nay, đồng thời mở rộng phạm vi các hành vi bị coi là hiếp dâm qua khái niệm “hành vi quan hệ tình dục khác”. Theo phương án này, ghi nhận chính thức định nghĩa giao cấu trong một văn bản giải thích luật, theo đó giao cấu là “sự cọ xát trực tiếp dương vật vào bộ phận sinh dục của người phụ nữ (bộ phận từ môi lớn trở vào) với ý thức ấn vào trong không kể sự xâm nhập của dương vật là sâu hay cạn, không kể có xuất tinh hay không”. Cách hiểu giao cấu này có thể coi là quan điểm truyền thống, đã được áp dụng ổn định từ trước đến nay.

Phương án hai: Mở rộng nội hàm khái niệm giao cấu trong tội hiếp dâm, đồng thời những hành vi quan hệ tình dục khác không được coi là giao cấu sẽ được đưa vào nội hàm khái niệm “hành vi quan hệ tình dục khác”. Theo đó, “giao cấu là hành vi quan hệ tình dục giữa nam giới và nữ giới, giữa nam giới với nam giới, được thực hiện bằng sự cọ sát trực tiếp dương vật của nam giới vào âm hộ (cơ quan sinh dục ngoài của nữ giới, bộ phận từ môi lớn trở vào) hoặc hậu môn với ý thức ấn vào bên trong không kể sự xâm nhập của dương vật là sâu hay cạn, không kể có xuất tinh hay không. Trường hợp nam giới bắt nữ giới hoặc nam giới khác tự thực hiện các hành vi sau cũng bị coi là giao

cấu: bắt nữ giới tự đưa dương vật vào âm hộ, hậu môn hoặc bắt nam giới khác tự đưa dương vật vào hậu môn.”

Về khái niệm “hành vi quan hệ tình dục”: Để xây dựng được nội hàm khái niệm hành vi quan hệ tình dục trong luật hình sự, trước hết cần căn cứ vào khoa học nghiên cứu về hoạt động tình dục của con người. Theo bác sĩ Đào Xuân Dũng thì tình dục được hiểu là *“hành vi để tìm kiếm khoái cảm hoặc để sinh sản, có nội hàm rộng, không chỉ có nghĩa là giao hợp giữa người nam và người nữ mà còn bao gồm cả nhiều hành vi khác nhằm đem lại khoái cảm, bằng tay hay bằng miệng, ở vùng cơ quan sinh dục hay ở những bộ phận khác của cơ thể. Cũng vẫn là tình dục khi thực hành tìm kiếm khoái cảm với bạn tình khác giới hay cùng giới, với một hay nhiều hơn một người, tự mình gây khoái cảm (thủ dâm) hay gây khoái cảm cho nhau, mơ tưởng đến chuyện tình dục hay sử dụng dụng cụ chuyên dụng”*. [13, tr 35]

Theo Từ điển bách khoa toàn thư ở Wikipedia, *“quan hệ tình dục, còn gọi là giao hợp hay giao cấu, thường chỉ hành vi đưa bộ phận sinh dục nam/đực vào trong bộ phận sinh dục nữ/cái. Đây là phương pháp sinh sản cơ bản của động vật nói chung (con người nói riêng)”*. Cũng theo Wikipedia, về đối tượng thực hiện quan hệ tình dục, *“quan hệ tình dục cũng có thể là giữa những thực thể khác hoặc cùng giới hoặc lưỡng tính”*. Dựa theo đường quan hệ, quan hệ tình dục được phân chia thành hành vi tình dục thâm nhập và hành vi tình dục không thâm nhập. Hành vi tình dục thâm nhập: Tình dục đường âm đạo, đường miệng, đường hậu môn được coi là tình dục thâm nhập. Những năm gần đây, việc thực hiện với những bộ phận không phải là bộ phận sinh dục (quan hệ đường miệng, đường hậu môn, hoặc dùng ngón tay) cũng được bao gồm trong định nghĩa này. Những hành vi tình dục khác và thủ dâm lẫn nhau được coi là tình dục không thâm nhập. Cũng theo Từ điển này, mục đích của quan hệ tình dục là: *“Trong khi kết quả tự nhiên của quan hệ tình*

dục đường âm đạo là sinh sản, người ta thường quan hệ tình dục vì mục đích khoái cảm và/hoặc thể hiện tình yêu và sự thân mật”.

Từ những kiến thức khoa học trên, tác giả đưa ra giải thích về hành vi quan hệ tình dục trong pháp luật hình sự như sau:

Quan hệ tình dục là hành vi giữa nam giới với nữ giới, nam giới với nam giới, nữ giới với nữ giới, bao gồm các hành vi:

- Giao cấu.

- Đưa vào cơ quan sinh dục, hậu môn, miệng của nạn nhân dương vật (mà không phải là giao cấu), bàn tay, ngón tay, dương vật giả hoặc vật thể với mục đích mang lại khoái cảm, thỏa mãn nhu cầu tình dục, làm nhục, thiệt hại đến danh dự của họ.

#### *3.2.1.4. Về dấu hiệu định khung tăng nặng*

Cần có sự giải thích, hướng dẫn đối với dấu hiệu định khung “Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân từ 11% đến 45%; gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân 46% trở lên”:

Để phù hợp với Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ Y tế về quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, phải hiểu tỷ lệ % trong các dấu hiệu này là tỷ lệ tổn thương cơ thể. Có thể sửa đổi dấu hiệu này một cách phù hợp và dễ hiểu hơn là: Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 45%; Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 46% trở lên.

Mặt khác, để có thể đưa các quy định mới về tội hiếp dâm trong BLHS và các văn bản giải thích, hướng dẫn về tội phạm này vào trong thực tiễn, cần đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục pháp luật qua các phương tiện thông tin đại chúng, thay đổi quan điểm đã cũ của những nhà thực thi pháp luật, của người dân về tội phạm hiếp dâm truyền thống. Nam giới cũng phải nhận thấy được

rằng mình có thể là nạn nhân của tội hiếp dâm và cũng có quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm, thậm chí sức khỏe của bản thân trước những hành vi xâm phạm tình dục. Sự kết hợp giữa người dân và Nhà nước mới có thể hạn chế được hành vi hiếp dâm cũng như bảo vệ được những người có thể là nạn nhân của hành vi này.

Bên cạnh đó, đưa các văn bản giải thích về tận địa phương, tăng cường các buổi tập huấn pháp luật để các cơ quan, cá nhân có thẩm quyền áp dụng thống nhất. Để quy định của pháp luật thật sự có hiệu quả thì việc áp dụng pháp luật là rất quan trọng. Việc áp dụng thống nhất các quy định, hướng dẫn về tội phạm hiếp dâm sẽ góp phần hạn chế sự tùy tiện của các cơ quan tố tụng, xét xử đúng người đúng tội, tránh oan sai, bỏ lọt, tăng cường hiệu quả đấu tranh chống tội phạm. Bên cạnh đó, việc áp dụng thống nhất pháp luật cũng là một trong những biện pháp để phát hiện những thiếu sót, hạn chế của pháp luật, góp phần hoàn thiện quy định về tội phạm hiếp dâm trong pháp luật hình sự Việt Nam.

### ***3.2.2. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cán bộ tư pháp, đặc biệt là đội ngũ thẩm phán***

Xây dựng đội ngũ cán bộ, Thẩm phán vững vàng về bản lĩnh chính trị, giỏi về chuyên môn là một yêu cầu quan trọng trong tiến trình cải cách tư pháp mà Nhà nước ta đang thực hiện. Trải qua quá trình phấn đấu, rèn luyện; tích cực tham gia các cuộc xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; thực hiện việc “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*” trong hệ thống Tòa án nhân dân với chủ đề “*Nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống của đội ngũ Thẩm phán, cán bộ, công chức Tòa án nhân dân*”, đội ngũ cán bộ, Thẩm phán Tòa án nhân dân các cấp đã không ngừng trưởng thành, vững vàng về bản lĩnh chính trị, giỏi về nghiệp vụ, sẵn sàng đảm nhận

và hoàn thành tốt những nhiệm vụ khó khăn, phức tạp của thời kỳ hội nhập; góp phần xứng đáng vào sự nghiệp đổi mới của đất nước.

Yêu cầu đặt ra là xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức Tòa án trong sạch vững mạnh. Trong đó, công tác bố trí nhân sự, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, tinh thần trách nhiệm trong công tác cho cán bộ, công chức tòa án các cấp được xác định vừa là yêu cầu và vừa là giải pháp quan trọng để nâng cao hiệu quả hoạt động xét xử của các tòa án nói chung và Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên nói riêng.

Với yêu cầu đặt ra như trên cần triển khai thực hiện một số giải pháp cụ thể như:

#### *3.2.2.1. Làm tốt công tác tổ chức, bố trí nhân sự trong tình hình mới*

Trước những yêu cầu của nhiệm vụ cải cách tư pháp đối với công tác xét xử của Tòa án các cấp, đồng thời thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, Thẩm phán, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế, Tòa án các cấp cần tiến hành thực hiện các giải pháp sau đây:

**Thứ nhất**, sắp xếp lại bộ máy tổ chức theo hướng chuyên sâu (theo loại án, lĩnh vực); rà soát đánh giá lại đội ngũ cán bộ, Thẩm phán để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng bố trí sử dụng phù hợp với năng lực, sở trường.

Tòa án nhân dân các cấp tổ chức rà soát, đánh giá lại đội ngũ cán bộ, Thẩm phán. Những người không đáp ứng được yêu cầu về năng lực, tinh thần trách nhiệm hoặc phẩm chất, cần bố trí vào công việc khác hoặc đưa vào diện cần xem xét khi thực hiện tinh giản biên chế. Trên cơ sở kết quả rà soát, đánh giá lại đội ngũ cán bộ, cần lựa chọn phân loại để đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm hoặc tự tổ chức đào tạo tại cơ quan, đơn

vị. Trong điều kiện biên chế không được tăng thêm, các Toà án nhân dân cần rà soát điều chuyển cán bộ hợp lý giữa các khâu công tác, giữa các đơn vị tùy theo khối lượng công việc để khắc phục tình hình khó khăn trong giai đoạn hiện nay.

**Thứ hai**, đề cao kỷ cương, kỷ luật nghiệp vụ; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra trong hệ thống Toà án.

Ban Thanh tra Toà án nhân dân tối cao, thủ trưởng các đơn vị thuộc Toà án nhân dân tối cao, Chánh án các Toà án nhân dân cấp cao, Chánh án các Toà án nhân dân cấp tỉnh và cấp huyện căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao cần tăng cường thanh tra, kiểm tra nghiệp vụ; phát hiện sớm và khắc phục, xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm pháp luật, vi phạm quy chế nghiệp vụ trong hoạt động của Toà án nói chung và trong quá trình giải quyết, xét xử các vụ án nói riêng theo đúng Quy định về xử lý trách nhiệm người giữ chức danh tư pháp trong Toà án nhân dân được ban hành kèm theo Quyết định số 120/QĐ-TANDTC ngày 19/6/2017 của Chánh án Toà án nhân dân tối cao.

**Thứ ba**, xây dựng cơ chế tạo nguồn, tuyển chọn, sử dụng cán bộ, Thẩm phán trên cơ sở tiêu chuẩn của từng chức danh gắn với vị trí việc làm của từng đơn vị, Toà án.

Các Toà án nhân dân phải tuân thủ đúng quy định của Nhà nước, của Toà án công tác tuyển dụng; bảo đảm chặt chẽ, công khai, minh bạch vì liên quan đến sự phát triển trong tương lai của hệ thống Toà án. Làm tốt công tác tuyển dụng sẽ tạo ra một thế hệ cán bộ tốt, tạo nguồn lực phát triển đội ngũ Thẩm phán trong sạch, vững mạnh. Xây dựng cơ chế thu hút cán bộ có trình độ; sinh viên tốt nghiệp đại học chuyên ngành luật, chuyên ngành Toà án loại giỏi về công tác tại các Toà án nhân dân. Có chính sách đặc thù, ưu tiên cho các Toà án địa phương vùng sâu, vùng xa khó thu hút nguồn nhân lực có chất



lượng trong công tác tuyển dụng và đào tạo (mở rộng hình thức cử tuyển, tăng cường việc đào tạo tập trung...).

**Thứ tư**, bảo đảm hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, của nhân dân đối với hoạt động tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết, xét xử các loại vụ án.

Thực hiện Hiến pháp năm 2013 và các đạo luật tư pháp mới được Quốc hội thông qua; theo đó, thẩm quyền của Tòa án được mở rộng, quyền của các chức danh tư pháp được nâng lên, nhưng đòi hỏi phải nâng cao năng lực, trình độ và bản lĩnh của người Thẩm phán, yêu cầu phải tăng cường công tác kiểm tra, giám sát theo nguyên lý quyền lực Nhà nước phải có sự kiểm soát. Việc công khai các bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật trên Cổng thông tin điện tử mà hệ thống Tòa án vừa tiến hành là một trong những cơ chế hữu hiệu để các tầng lớp nhân dân tham gia vào quá trình giám sát đối với hoạt động xét xử của Tòa án, góp phần nâng cao chất lượng xét xử, tăng cường trách nhiệm và kỷ luật của Thẩm phán theo tinh thần “Trách nhiệm, kỷ cương, chất lượng, vì công lý”. Vì vậy, lãnh đạo Tòa án nhân dân các cấp tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các đơn vị chuyên môn của Tòa án nhân dân tối cao để bảo đảm hoạt động công bố bản án, quyết định trên Cổng thông tin điện tử Tòa án được thực hiện theo đúng các quy định tại Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

#### *3.2.2.2. Tăng cường công tác đào tạo và tập huấn chuyên môn nghiệp vụ*

Làm tốt công tác này sẽ tạo chuyên biến sâu sắc về chất lượng đội ngũ cán bộ mà chủ yếu là chất lượng đội ngũ Thẩm phán. Chính vì vậy cần xây dựng chiến lược đào tạo, bồi dưỡng theo từng giai đoạn và kế hoạch đào tạo bồi dưỡng hàng năm trên cơ sở rà soát, đánh giá đội ngũ cán bộ, Thẩm phán và các nhiệm vụ trong từng thời kỳ. Chú trọng việc đào tạo chuyên sâu sau

đại học để xây dựng đội ngũ cán bộ, Thẩm phán giỏi trên từng lĩnh vực, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

Xây dựng, biên soạn bộ tài liệu tập huấn cho Hội thẩm để có một chương trình thống nhất trong toàn ngành. Triển khai xây dựng đề án về đào tạo chuyên gia đầu ngành về pháp luật và nghiệp vụ Tòa án. Đa dạng hóa các hình thức đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với từng loại đối tượng công chức. Phối hợp với các trung tâm đào tạo để xây dựng cơ chế đào tạo nguồn cán bộ cho các Tòa án vùng sâu, vùng xa.

### *3.2.2.3. Nâng cao kinh nghiệm công tác cho cán bộ, công chức, nhất là đội ngũ Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân*

Thực tiễn cho thấy, các giải pháp về rút kinh nghiệm công tác xét xử có tác dụng tích cực, hạn chế các sai sót trong quá trình giải quyết, xét xử các loại vụ án và trình độ về chuyên môn nghiệp vụ của Thẩm phán, Hội thẩm Tòa án nhân dân cũng được nâng cao.

Trong giải pháp này cần chú trọng thực hiện tốt công tác trao đổi nghiệp vụ với các Tòa án khác trong giải quyết các vụ án có vướng mắc về áp dụng pháp luật, vừa nhằm đảm bảo việc áp dụng đúng và thống nhất pháp luật, tổng kết thực tiễn xét xử để ban hành các Nghị quyết, mặt khác qua trao đổi nghiệp vụ sẽ giúp cho Thẩm phán tích lũy kinh nghiệm về công tác xét xử. Trong hội nghị tổng kết cần có các tham luận về công tác xét xử các loại vụ án, trong đó có án hiếp dâm nhằm chỉ ra các hạn chế, thiếu sót trong công tác xét xử, thông qua đó giúp Thẩm phán tránh được những sai sót khi có những vụ án tương tự. Đối với các bản án, quyết định bị hủy, sửa do lỗi chủ quan thì lãnh đạo Tòa án phải tiến hành việc rút kinh nghiệm ngay đối với Hội đồng xét xử.

#### *3.2.2.4. Tăng cường công tác Giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống và nâng cao tinh thần trách nhiệm đối với cán bộ, Thẩm phán*

Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng để cán bộ, công chức thường xuyên giữ gìn phẩm chất chính trị, đạo đức, ý thức chấp hành kỷ luật công vụ, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và trách nhiệm công tác được giao. Tổ chức các phong trào thi đua và phát động trong ngành với chủ đề xuyên suốt là “Phụng công, thủ pháp, chí công vô tư” với phương châm “gần dân, hiểu dân, giúp dân, học dân”. Tiếp tục triển khai thực hiện cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trong ngành Tòa án nhân dân với chủ đề: “*Nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống của đội ngũ Thẩm phán, cán bộ, công chức ngành Tòa án nhân dân*”, nhằm mục tiêu xây dựng đội ngũ Thẩm phán, cán bộ, công chức Tòa án trong sạch, vững mạnh về chính trị tư tưởng và tổ chức; đội ngũ phải “Phục vụ nhân dân”, “Phụng sự Tổ quốc”. Triển khai thực hiện nghiêm túc việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình. Đối với những đơn vị có tỷ lệ án bị hủy, sửa cao; có dư luận về việc xét xử thiếu khách quan, chưa nghiêm minh hoặc để xảy ra tình trạng cán bộ vi phạm kỷ luật thì đều được gợi ý kiểm điểm để làm rõ khuyết điểm, thiếu sót, tìm ra nguyên nhân, xác định trách nhiệm để có biện pháp xử lý.

Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, chú trọng việc khen thưởng đột xuất đối với những cán bộ có thành tích xuất sắc trong công tác với nhiều hình thức cao quý phù hợp. Tiếp tục thực hiện việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4; kiên quyết đấu tranh với các hành vi tham nhũng, tiêu cực trong thực thi công vụ. Xây dựng các quy định, quy chế tăng cường kỷ luật công vụ đối với cán bộ, công chức.

### *3.2.2.5. Giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, thẩm phán*

Thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên nghề đối với các cán bộ có chức danh tư pháp và sửa đổi nâng mức chế độ bồi dưỡng phiên tòa cho những người tiên hành và tham gia tố tụng tại phiên tòa, trong đó có Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội thẩm Tòa án nhân dân. Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất sửa đổi các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức của ngành cho phù hợp với đặc thù công tác Tòa án, như: thang bảng lương, nhà công vụ, chế độ bảo vệ cán bộ, Thẩm phán..., nhằm đảm bảo cho cán bộ yên tâm công tác, góp phần nâng cao trách nhiệm nghề nghiệp của cán bộ, Thẩm phán, đồng thời thu hút những người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ tốt vào công tác tại các Tòa án.

### *3.2.3. Thanh tra, kiểm tra các hoạt động xét xử*

Công tác thanh tra, kiểm tra và giám đốc việc xét xử của Tòa án cấp trên đối với Tòa án cấp dưới cần được duy trì thường xuyên và nghiêm túc. Đảm bảo giám đốc việc xét xử đối với 100 % các bản án, quyết định đã có hiệu lực của Tòa án nhân dân huyện (thị xã, thành phố) trực thuộc tỉnh. Duy trì chế độ tự kiểm tra và báo cáo định kỳ về việc đề các vụ án quá hạn luật định, án tuyên không rõ ràng, phạt tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo không đúng quy định của pháp luật... Tăng cường kỉ luật công vụ và công tác xét xử, kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, nhằm làm trong sạch đội ngũ cán bộ, công chức Tòa án. Đối với những Thẩm phán có tỷ lệ án bị hủy, sửa cao do lỗi chủ quan hoặc cho bị cáo hưởng án treo không đúng quy định của pháp luật thì đều phải kiểm điểm trách nhiệm và tùy theo tính chất, mức độ, hậu quả của sai sót để xem xét áp dụng các hình thức kỷ luật tương xứng.

Để làm tốt hơn nữa công tác kiểm tra, giám sát nhằm hạn chế tiêu cực trong công tác xét xử, một số giải pháp được đề ra là:

- Làm tốt công tác thanh tra, kiểm tra và giám đốc việc xét xử với Tòa án cấp dưới để kịp thời phát hiện và khắc phục ngay đối với những sai sót trong quá trình giải quyết các loại vụ án. Đối với những bản án, quyết định bị hủy do lỗi của quan của Thẩm phán, Hội đồng xét xử gây thiệt hại nghiêm trọng tới lợi ích của nhà nước, tập thể; quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, gây bất bình trong dư luận thì phải tổ chức ngay việc kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm để có biện pháp xử lý nghiêm khắc.

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực thi công vụ của cán bộ, công chức, nhất là đối với Thẩm phán. Thường xuyên tiến hành việc kiểm điểm trách nhiệm đối với Thẩm phán về các sai sót trong hoạt động xét xử.

- Xây dựng cơ chế giám sát việc thực hiện công vụ của cán bộ, Thẩm phán để nắm bắt thông tin, thông qua đó xử lý kịp thời đối với các hành vi vi phạm, đánh giá chất lượng công tác xét xử của các Thẩm phán. . Đối với các trường hợp cán bộ, Thẩm phán bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự thì phải thông báo công khai và rút kinh nghiệm chung.

- Thực hiện việc đổi mới thủ tục hành chính tư pháp tại Tòa án theo hướng công khai, minh bạch, hiệu lực, hiệu quả, một mặt nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân khi có công việc cần giải quyết tại Tòa án, nhưng cũng đồng thời nhằm công khai hóa hoạt động của Tòa án, qua đó tăng cường sự giám sát của nhân dân đối với cán bộ, công chức trong ngành.

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch và luân chuyển, biệt phái, điều động cán bộ, bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ Tòa án và Hội thẩm Tòa án nhân dân.

#### ***3.2.4. Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp và chú trọng tổng kết thực tiễn***

Trước hết, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan bảo vệ pháp luật, mà đặc biệt là các cơ quan – Cơ quan điều tra, viện kiểm sát và Tòa án

trong cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, tội hiệp dâm trên địa bàn cả nước nói chung và tỉnh Thái Nguyên nói riêng. Liên ngành cơ quan điều tra, viện kiểm sát, tòa án cần xây dựng quy chế phối hợp trong việc giải quyết các vụ án hiệp dâm. Trong đó, quy định đối với những vụ án phức tạp, vụ án có phương thức, thủ đoạn mới thì phải có sự thống nhất giữa các cơ quan tố tụng về từng vấn đề cần điều tra, làm rõ.

Trong công tác tố tụng hình sự, những người tiên hành tố tụng như: Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán giữ vai trò rất quan trọng trong toàn bộ vụ án. Những người này có ảnh hưởng xuyên suốt quá trình giải quyết vụ án và quyết định đến sinh mạng chính trị của một hoặc nhiều người, thế nên họ cần phải là những người có trình độ, có tâm, có tầm và luôn có ý thức phối hợp để định tội danh, quyết định hình phạt và giải quyết vụ án được chính xác,...

Định kì hàng năm, liên ngành Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án tổ chức tổng kết việc giải quyết các vụ án về hiệp dâm. Trong đó, nêu ra những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong quá trình giải quyết còn để tìm cách tháo gỡ; nêu ra những phương thức thủ đoạn phạm tội mới, những kinh nghiệm hay để các đơn vị trao đổi, học hỏi. Đặc biệt là đối với những đơn vị có số lượng án hiệp dâm thì rất cần học hỏi những kinh nghiệm của những đơn vị có nhiều án.

Tình hình vi phạm nhân phẩm, danh dự của con người, nhất là tội hiệp dâm ở tỉnh Thái Nguyên trong thời gian qua diễn ra rất phức tạp. Nguyên nhân chủ yếu là do công tác giáo dục văn hóa, đạo đức, lối sống mới chưa được quan tâm đúng mức, còn nhiều thiếu sót; hệ thống pháp luật về quyền con người nói chung về bảo vệ nhân phẩm, danh dự của con người nói riêng, còn thiếu đồng bộ, chưa phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh mới của đất nước; công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật còn nhiều hạn chế, kém năng động, thiếu sức thuyết phục chưa phù hợp với từng loại đối tượng; các

cơ quan bảo vệ pháp luật còn thiếu đồng bộ, nghiêm khắc và kiên quyết trong đấu tranh phòng, chống vi phạm nhân phẩm, danh dự của con người. Vì vậy, cuộc đấu tranh phòng, chống tội hiếp dâm chỉ có tác dụng và đạt kết quả thực sự khi khắc phục được những nguyên nhân nói trên. Tình hình phạm tội này là một trong những vấn đề cần quan tâm trong xã hội ta, bởi lẽ một đất nước muốn có kinh tế phát triển bền vững, ngoài những chỉ tiêu tăng trưởng về kinh tế, còn đòi hỏi sự phát triển về văn hóa, giáo dục, về mức độ tôn trọng và bảo vệ nhân phẩm, danh dự của con người. hiện nay đây vẫn còn đang là vấn đề bức xúc trong xã hội và hẳn có sự buông lỏng trong đấu tranh của các cơ quan bảo vệ pháp luật, của các cấp, các ngành, vấn đề này lại tiếp tục phát triển. Vì vậy, đấu tranh chống tội phạm hiếp dâm là một nhiệm vụ quan trọng đặt ra đối với Đảng, Nhà nước và toàn dân ta. Phải coi đây là cuộc đấu tranh của toàn Đảng, toàn dân, của các cấp, các ngành đặt dưới sự lãnh đạo thống nhất của các cấp ủy Đảng. Phải phát động cho được phong trào quần chúng rộng rãi, thường xuyên; đồng thời phát huy được vai trò tham mưu, nòng cốt của các lực lượng Công an, Tư pháp, sự tham gia tích cực của các tổ chức xã hội, đoàn thể quần chúng. Trong lãnh đạo, chỉ đạo phải luôn luôn bám sát các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước và những đặc điểm riêng của từng địa phương, để có những chủ trương, biện pháp sát thực, hiệu quả, tránh dập khuôn máy móc, phô trương hình thức, phải coi công tác giáo dục đạo đức, lối sống mới, đồng thời đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quyền con người, sự tôn trọng và bảo vệ nhân phẩm, danh dự của con người. Đây là những nhiệm vụ cơ bản, thường xuyên, liên tục có ý nghĩa quyết định thắng lợi của cuộc đấu tranh này. Đi đôi với việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quyền con người, cần phải kiên quyết xử lý hành vi phạm tội để có tác dụng giáo dục, phòng ngừa chung. Trong việc xử lý này, cần tăng cường phối hợp hoạt động có hiệu quả giữa cơ

quan Điều tra, Viện Kiểm sát và Tòa án, các tổ chức xã hội, đoàn thể quần chúng, chính quyền các địa phương để tạo thành sức mạnh tổng hợp. Xây dựng gia đình, nhà trường, xã hội lành mạnh, mọi người tôn trọng lẫn nhau, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và của từng địa phương. Hiệu quả của cuộc đấu tranh phòng, chống tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự con người phụ thuộc vào việc phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn bộ hệ thống chính trị, đẩy mạnh phong trào cách mạng của toàn dân, tính chủ động, tích cực của các ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội và các tầng lớp nhân dân tham gia phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn loại tội phạm này và tính đồng bộ của các biện pháp.

### **Kết luận chương 3**

Trong chương này, tác giả đưa ra các giải pháp mang tính hệ thống, khái quát nhằm nâng cao chất lượng xét xử tội Hiếp dâm đối với tòa án nhân các cấp nói chung và Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên nói riêng. Các giải pháp trong chương 3 của Luận văn được nêu ra trên cơ sở tổng kết, đánh giá thực tiễn quá trình xét xử các vụ án Hiếp dâm tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên và tòa án nhân dân các cấp trong cả nước; ý kiến đóng góp, các bài báo khoa học của các chuyên gia Luật học trong và ngoài ngành Tòa án...

Tác giả hi vọng các giải pháp trên sẽ đem lại hiệu quả đột phá trong việc nâng cao chất lượng xét xử tội Hiếp dâm tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên nói riêng và tòa án nhân dân các cấp trong cả nước.



## KẾT LUẬN

Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng từ năm 1986 đến nay, hơn 30 năm thực hiện công cuộc đổi mới đất nước chúng ta đã đạt được nhiều thành tựu to lớn và quan trọng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội: Kinh tế không ngừng tăng trưởng, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, đời sống của nhân dân ngày một nâng cao, vị thế của nước ta trên trường quốc tế ngày càng được củng cố. Song, bên cạnh những thành tựu đạt được, nền kinh tế thị trường, đặc biệt là những mặt trái của nó đã ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống xã hội làm nảy sinh nhiều vấn đề xã hội phức tạp trong đó có tội hiếp dâm. Việc đấu tranh chống loại tội phạm này ngày càng được các cấp, các ngành, nhất là ngành tư pháp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên quan tâm và đạt được những kết quả nhất định, song cũng không tránh khỏi những khó khăn, vướng mắc trong quá trình xét xử vụ án tội hiếp dâm. Mà nguyên nhân của những hạn chế, thiếu sót này có cả nguyên nhân xuất phát từ quy định pháp luật, có cả nguyên nhân từ thực tiễn áp dụng pháp luật xử lý tội phạm.

Trong đề tài luận văn thạc sĩ “*Tội hiếp dâm theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Thái Nguyên*”, tác giả đã nghiên cứu, phân tích một sâu sắc các nội dung trong quy định của Bộ luật Hình sự về Tội Hiếp dâm. So sánh, đối chiếu quy định về Tội Hiếp dâm trong Bộ luật Hình sự Việt Nam qua các thời điểm cụ thể để có thể thấy được sự phát triển về nhận thức của cơ quan lập pháp đối với loại tội phạm này.

Đồng thời, đề tài luận văn cũng đã phân tích, đánh giá được thực trạng của loại tội phạm này trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và thực tiễn xét xử của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp thiết thực để nâng cao chất lượng xét xử loại tội phạm này trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên nói riêng và cả nước nói chung. Từ đó góp phần đấu tranh ngăn

chặn và xử lý Tội phạm hiếp dâm và các loại tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm của công dân, giữ gìn an ninh, trật tự xã hội.

Tuy nhiên, luận văn vẫn còn nhiều thiếu sót, cả về nội dung và hình thức trình bày. Tác giả rất mong nhận được góp ý của quý thầy cô và các chuyên gia Luật học để hoàn thiện Luận văn, đưa những nghiên cứu vào ứng dụng thực tiễn tại địa bàn tỉnh Thái Nguyên nói riêng và ngành Tòa án nói chung, góp phần củng cố cơ sở lý luận và thực tiễn để nâng cao chất lượng xét xử tội Hiếp dâm trong thời gian tới.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban soạn thảo Bộ luật Hình sự (sửa đổi) (2015), “Bản thuyết minh chi tiết về dự thảo Bộ luật Hình sự (sửa đổi), tại địa chỉ: <http://www.bqllang.gov.vn/van-ban-phap-quy/vbpq-do-nha-nuoc-ban-hanh/142-du-thao-bo-luat-hinh-su-sua-doi/4094-ban-thuyet-minh-chi-tiet-ve-du-thao-bo-luat-hinh-su-sua-doi.html>;

2. Bản tổng kết và hướng dẫn đường lối xét xử tội hiếp dâm và một số tội phạm khác về mặt tình dục số 329-HS2 ngày 11/05/1967 của Tòa án nhân dân tối cao;

3. Phạm Văn Báu (2010), Những bất cập và phương hướng hoàn thiện quy định về một số tội xâm phạm nhân phẩm của con người trong Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 1999, Tạp chí Luật học;

4. Phạm Văn Báu (2010), Những bất cập và phương hướng hoàn thiện về một số tội xâm phạm nhân phẩm của con người trong Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 1999, Tạp chí Luật học;

5. Bộ luật Hình sự số 15/1999/QH10;

6. Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13;

7. Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-BTP-BCA-TANDTC-VKSNDTC ngày 25/9/2001 của Bộ Tư pháp - Bộ Công an - Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng các quy định tại chương XV “các tội xâm phạm chế độ hôn nhân gia đình” của Bộ luật Hình sự năm 1999;

8. Lê Cẩm (1998), Luật Hình sự Việt Nam trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền: Những vấn đề hoàn thiện các quy định cơ bản của phần chung, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội;

9. Lê Cẩm (1999), Hoàn thiện pháp luật Hình sự Việt Nam trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền (một số vấn đề cơ bản của phần chung), Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;

10. Lê Cẩm (2005), Sách chuyên khảo Sau đại học: Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (Phần chung), Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội;
11. Đỗ Việt Cường (2008), Ban biên tập Tạp chí Tòa án nhân dân (2010), Về bài ‘A. có phạm tội hiếp dâm?, Tạp chí Tòa án nhân dân (25);
12. Đỗ Việt Cường (2008), Một vài ý kiến trao đổi về tội “Hiếp dâm” theo quy định tại Điều 111 Bộ luật Hình sự, Tạp chí Kiểm sát, (23), tr 32-33;
13. Đào Xuân Dũng (2006), Tình dục học đại cương, Nxb. Y học, Hà Nội, tr35;
14. Giáo trình luật hình sự Việt Nam (phần các tội phạm), Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội;
15. Đỗ Đức Hồng Hà (2008), Bài tập tình huống hình sự và tố tụng hình sự về các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe của con người, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, năm 2008;
16. Đỗ Đức Hồng Hà (2015), "Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người trong Bộ luật Hình sự Việt Nam - Những bất cập và kiến nghị hoàn thiện" (Tiếp theo số 03/2015), Tạp chí Nghề luật, (số 04), tr. 6-13;
17. Đỗ Đức Hồng Hà (2010), "Những nội dung cơ bản trong Luật sửa đổi, bổ sung Bộ luật Hình sự", Tạp chí Luật học, (số 5), tr. 26-33+16;
18. Đỗ Đức Hồng Hà (2010), Hoàn thiện quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, (số 8), tr. 51-55;
19. Đỗ Đức Hồng Hà (2015), "Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người trong Bộ luật Hình sự Việt Nam - Những bất cập và kiến nghị hoàn thiện", Tạp chí Nghề luật, (số 03), tr. 18-25;

20. Nguyễn Ngọc Hòa (2015), Tội phạm và cấu thành tội phạm, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội;
21. Lê Văn Hùng, Tội hiếp dâm theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh, 2014;
22. Trịnh Thị Thu Hương (2004), Các tội xâm phạm tình dục trẻ em trong luật hình sự Việt Nam và đấu tranh phòng chống loại tội phạm này, Luận văn Thạc sĩ luật học, trường Đại học Luật Hà Nội;
23. Nguyễn Hiền Khanh (2004), Về tội hiếp dâm theo quy định tại Điều 111 Bộ luật Hình sự”, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, (02), 57-60;
24. Huệ Linh. “Khi người chuyển giới bị... hiếp dâm”, An ninh Thủ đô, tại địa chỉ: <http://anninhthudo.vn/phap-luat/khi-nguoi-chuyen-gioi-bi-hiep-dam/584022.antd>;
25. Nguyễn Thị Ngọc Linh, Luận văn Thạc sĩ luật học Tội hiếp dâm theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Hà Nội, năm 2017;
26. Nguyễn Quang Lộc (2016), “Một số sửa đổi bổ sung cơ bản của Bộ luật Hình sự năm 2015” tại địa chỉ:  
[http://toaan.gov.vn/portal/page/portal/tandtc/Baiviet?p\\_page\\_id=1754190&p\\_cateid=1751909&article\\_details=1&item\\_id=147235388](http://toaan.gov.vn/portal/page/portal/tandtc/Baiviet?p_page_id=1754190&p_cateid=1751909&article_details=1&item_id=147235388);
27. Luật hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13;
28. Nguyễn Tuyết Mai (2007), Luật hình sự Việt Nam nhìn từ góc độ tiếp cận về giới, Tạp chí Luật học;
29. Dương Tuyết Miên (2004), Định tội danh và quyết định hình phạt, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;
30. Đặng Xuân Nam (2009), “Trao đổi về tội hiếp dâm theo Điều 111 Bộ luật Hình sự”, Tạp chí Kiểm sát, (07), tr 46-47;

**31.** Cao Thị Oanh (chủ biên, 2013), Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam, Phần các tội phạm (dùng trong các trường Đại học chuyên ngành Luật, An ninh, Công an, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội;

**32.** Cao Thị Oanh (chủ biên, 2013), Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam, Phần các tội phạm (dùng trong các trường Đại học chuyên ngành Luật, An ninh, Công an, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, tr. 49.

**33.** Đinh Văn Quế (2002), Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự, Phần các tội phạm, (01), Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 178-184.

**34.** Quốc hội (2013), Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

**35.** Cao Hữu Sáng (2015), Các tội hiệp dâm theo quy định của Bộ luật Hình sự Việt Nam, Luận văn thạc sĩ, Khoa Luật Đại học quốc gia Hà Nội;

**36.** Phan Thị Hồng Thắng, Định tội danh đối với tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy (trên cơ sở số liệu thực tiễn địa bàn tỉnh Đắk Lắk), năm 2015;

**37.** Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ nội vụ (1998), Thông tư liên tịch số 01/1998/TTLT/TANDTC-VKSNDTC-BNV ngày 2/1/1998 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự;

**38.** Tòa án nhân dân tối cao (1978), Hệ thống hóa luật lệ về hình sự, tập I (1960-1974), Hà Nội, tr. 388 - 389”;

**39.** Tòa án nhân dân tối cao (1979), Hệ thống hóa luật lệ về hình sự, tập I (1960-1974), Hà Nội;

**40.** Tòa án nhân dân tối cao (1979), Hệ thống hóa luật lệ về hình sự, tập II (1975-1978), Hà Nội, tr. 222;

**41.** Tòa án nhân dân tối cao (2011 –2015), Báo cáo tổng kết;

**42.** Trần Thủy Quỳnh Trang (2014), Thực tiễn áp dụng pháp luật về tội hiếp dâm trẻ em được quy định trong Bộ luật Hình sự - Những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị giải pháp nâng cao hiệu quả”, tại địa chỉ:

<http://www.vksnd.hochiminhcity.gov.vn/tintuc/Lists/Posts/Post.aspx?List=ad9f76af-6b80-4ea2-a8be-93f18b9cad72&ID=180&Web=1eac1f4b-1d0d-4ae2-8f9a-e7c7668eac57;>

**43.** Trường Đại Học Luật Hà Nội (2010), Bộ luật Hình sự Vương quốc Thụy Điển, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội

**44.** Trường Đại Học Luật Hà Nội (2011), Bộ luật Hình sự Liên bang Nga, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội

**45.** Trường Đại học Luật Hà Nội (2014), Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam, tập I, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội

**46.** Trường Đại học Luật Hà Nội (2014), Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam, tập I, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, tr. 426, 428-429

**47.** Trịnh Tiến Việt (2012), Những vấn đề lý luận chuyên sâu về trách nhiệm hình sự và hình phạt, Giáo trình dành cho học viên cao học thuộc chuyên ngành luật Hình sự;

**48.** Trịnh Tiến Việt, Đỗ Đức Hồng Hà (2010), Hỏi - đáp về các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe của con người, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2010;

**49.** Võ Khánh Vinh (1996), Quyết định hình phạt trong luật hình sự Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;

**50.** Võ Khánh Vinh (2013), Giáo trình lý luận chung về định tội danh, NXB Khoa học xã hội;